



Lời Nói Đầu

Bạn đang cầm trên tay cuốn Ebook “**500 Câu Hỏi và Trả Lời Phỏng Vấn Xin Việc bằng Tiếng Anh**”. Cuốn sách là nền tảng để Bạn vững bước vào cánh cửa của Nhà tuyển dụng, bởi lẽ trong sự phát triển toàn cầu hiện nay, những cuộc phỏng vấn bằng Tiếng Anh ở bất kì công ty nào cũng là bắt buộc và điều kiện tiên quyết.

Hiểu được sự cần thiết đó, Hellochao đã thiết kế ra Ebook này với mục đích cung cấp các câu hỏi và câu trả lời tham khảo bằng Tiếng Anh và Tiếng Việt với nhiều câu hỏi và câu trả lời ở nhiều dạng khác nhau, phù hợp với nhiều ngành nghề và yêu cầu riêng của từng ứng viên.

Cuốn sách được chia làm 2 phần:

- I. *Ask and answer. (Hỏi và trả lời)* là những câu hỏi từ nhà tuyển dụng và câu trả lời gợi ý dành cho người được phỏng vấn.
- II. *Ask the interviewer. (Hỏi người phỏng vấn)* là những câu hỏi của người được phỏng vấn dành cho nhà tuyển dụng nếu họ muốn biết thêm thông tin từ nhà tuyển dụng.

Chúng tôi hy vọng rằng cuốn sách này là cẩm nang không thể thiếu cho những ai muốn có công việc như ý. Sẽ thật hữu ích nếu cuốn sách này được lan tỏa đến bạn bè, người thân để ai cũng có thể đạt được mơ ước với công việc hằng mong muốn của mình.

I. Ask and answer. (Hỏi và trả lời)

Câu hỏi 1.

Tell me a little about yourself.

Hãy nói sơ qua cho tôi nghe về bản thân của anh/chị.

(Các) cách trả lời.

I attended MIT where I majored in Electrical Engineering. My hobbies include basketball, reading novels, and hiking.

Tôi học tại MIT, nơi tôi theo học chuyên ngành Kỹ sư điện. Sở thích của tôi gồm bóng rổ, đọc tiểu thuyết, và đi bộ đường dài.

I grew up in Korea and studied accounting. I worked at an accounting firm for two years and I enjoy bicycling and jogging.

Tôi lớn lên ở Hàn quốc và đã học kế toán. Tôi đã làm ở một công ty kế toán hai năm và tôi thích chạy xe đạp và chạy bộ.

I'm an easy going person that works well with everyone. I enjoy being around different types of people and I like to always challenge myself to improve at everything I do.

Tôi là người dễ hợp tác làm việc tốt với tất cả mọi người. Tôi thích giao thiệp với nhiều loại người khác nhau và tôi luôn luôn thử thách bản thân mình để cải thiện mọi việc tôi làm.

I'm a hard worker and I like to take on a variety of challenges. I like pets, and in my spare time, I like to relax and read the newspaper.

Tôi là một người làm việc chăm chỉ và tôi muốn đón nhận nhiều thử thách khác nhau. Tôi thích thú cưng, và lúc rảnh rỗi, tôi thích thư giãn và đọc báo.

I've always liked being balanced. When I work, I want to work hard. And outside of work, I like to engage in my personal activities such as golfing and fishing.

Tôi luôn luôn muốn ở trạng thái cân bằng. Khi tôi làm việc, tôi muốn làm việc chăm chỉ. Và khi không làm việc, tôi thích tham gia vào các hoạt động cá nhân của tôi chẳng hạn như chơi gôn và câu cá.

Câu hỏi 2.

What are your strengths?

Thế mạnh của anh/chị là gì?

(Các) cách trả lời.

I believe my strongest trait is my attention to detail. This trait has helped me tremendously in this field of work.

Tôi tin rằng điểm mạnh nhất của tôi là sự quan tâm của tôi đến từng chi tiết. Đặc trưng này đã giúp tôi rất nhiều trong lĩnh vực này.

I've always been a great team player. I'm good at keeping a team together and producing quality work in a team environment.

Tôi luôn là một đồng đội tuyệt vời. Tôi giải quyết mọi việc với nhau và luôn đạt được chất lượng công việc trong một môi trường đồng đội.

After having worked for a couple of years, I realized my strength is accomplishing a large amount of work within a short period of time. I get things done on time and my manager always appreciated it.

Sau khi làm việc một vài năm, tôi nhận ra thế mạnh của tôi là thực hiện một khối lượng lớn công việc trong một khoảng thời gian ngắn. Tôi hoàn thành mọi việc đúng thời hạn và quản lý của tôi luôn luôn đánh giá cao điều đó.

My strongest trait is in customer service. I listen and pay close attention to my customer's needs and I make sure they are more than satisfied.

Điểm mạnh nhất của tôi là về dịch vụ khách hàng. Tôi lắng nghe và chú ý kỹ tới nhu cầu khách hàng của tôi và tôi chắc chắn rằng họ còn hơn cả hài lòng.

Câu hỏi 3.

What are your weaknesses?

Điểm yếu của anh/chị là gì?

(Các) cách trả lời.

This might be bad, but in college I found that I procrastinated a lot. I realized this problem, and I'm working on it by finishing my work ahead of schedule.

Điều này có thể là xấu, nhưng ở đại học, tôi thấy rằng tôi thường hay trì hoãn. Tôi đã nhận ra vấn đề này, và tôi đang cải thiện nó bằng cách hoàn thành công việc trước thời hạn.

I feel my weakness is not being detail oriented enough. I'm a person that wants to accomplish as much as possible. I realized this hurts the quality and I'm currently working on finding a balance between quantity and quality.

Tôi thấy điểm yếu của tôi là chưa có sự định hướng rõ ràng. Tôi là người muốn hoàn thành càng nhiều càng tốt. Tôi nhận ra điều này làm ảnh hưởng tới chất lượng và hiện tôi đang tìm cách cân bằng giữa số lượng và chất lượng.

I feel my English ability is my weakest trait. I know this is only a temporary problem. I'm definitely studying hard to communicate more effectively.

Tôi thấy khả năng tiếng Anh của tôi là điểm yếu nhất của tôi. Tôi biết đây chỉ là vấn đề tạm thời. Tôi chắc chắn sẽ học tập chăm chỉ để giao tiếp hiệu quả hơn.

The weakest trait I struggled with was not asking for help. I always try to solve my own problems instead of asking a co-worker who might know the answer. This would save me more time and I would be more efficient. I'm working on knowing when it would be beneficial to ask for help.

Điểm yếu nhất mà tôi phải đấu tranh là không yêu cầu sự giúp đỡ. Tôi luôn cố gắng tự giải quyết các vấn đề của mình thay vì hỏi đồng nghiệp người có thể biết câu trả lời. Điều này sẽ tiết kiệm được nhiều thời gian hơn và tôi sẽ làm việc hiệu quả hơn. Tôi đang cố gắng tìm hiểu khi nào thì sẽ có lợi khi nhờ giúp đỡ.

Câu hỏi 4.

What are your short term goals?

Các mục tiêu ngắn hạn của anh/chị là gì?

(Các) cách trả lời.

My short term goal is to find a position where I can use the knowledge and strengths that I have. I want to partake in the growth and success of the company I work for.

Mục tiêu ngắn hạn của tôi là tìm một vị trí mà tôi có thể sử dụng kiến thức và thế mạnh mà tôi có. Tôi muốn cùng chia sẻ sự phát triển và thành công của công ty mà tôi làm việc cho họ.

I've learned the basics of marketing during my first two years. I want to take the next step by taking on challenging projects. My short term goal is to grow as a marketing analyst.

Tôi đã học được những điều cơ bản của việc tiếp thị trong hai năm đầu tiên. Tôi muốn thực hiện bước tiếp theo bằng cách tham gia vào những dự án đầy thách thức. Mục tiêu ngắn hạn của tôi là trở thành một nhà phân tích tiếp thị.

As a program manager, it's important to understand all areas of the project. Although I have the technical abilities to be successful in my job, I want to learn different software applications that might help in work efficiency.

Là một người quản lý chương trình, điều quan trọng là phải hiểu mọi khía cạnh của dự án. Mặc dù tôi có những khả năng kỹ thuật để thành công trong công việc của tôi, nhưng tôi muốn tìm hiểu những ứng dụng phần mềm khác, những ứng dụng phần mềm mà có thể giúp đỡ hiệu quả công việc.

My goal is to always perform at an exceptional level. But a short term goal I have set for myself is to implement a process that increases work efficiency.

Mục tiêu của tôi là luôn hoàn thành ở mức độ nổi bật. Tuy nhiên, mục tiêu ngắn hạn mà tôi đã đặt ra cho bản thân tôi là thực hiện việc làm tăng hiệu quả công việc.

Câu hỏi 5.

What are your long term goals?

Các mục tiêu dài hạn của anh/chị là gì?

(Các) cách trả lời.

I would like to become a director or higher. This might be a little ambitious, but I know I'm smart, and I'm willing to work hard.

Tôi muốn trở thành một giám đốc hoặc cao hơn. Điều này có thể là hơi tham vọng, nhưng tôi biết tôi thông minh, và tôi sẵn sàng làm việc chăm chỉ.

After a successful career, I would love to write a book on office efficiency. I think working smart is important and I have many ideas. So, after gaining more experience, I'm going to try to write a book.

Sau khi sự nghiệp thành công, tôi muốn viết một cuốn sách về hiệu quả làm việc văn phòng. Tôi nghĩ làm việc một cách thông minh là quan trọng và tôi có nhiều ý tưởng. Vì vậy, sau khi có được nhiều kinh nghiệm hơn, tôi sẽ cố gắng viết sách.

I've always loved to teach. I like to grow newer employees and help co-workers where ever I can. So in the future, I would love to be an instructor.

Tôi luôn yêu thích việc giảng dạy. Tôi muốn gia tăng những nhân viên mới hơn và giúp đỡ các đồng nghiệp ở bất kỳ nơi nào mà tôi có thể. Vì vậy, trong tương lai, tôi muốn trở thành một giảng viên.

I want to become a valued employee of a company. I want to make a difference and I'm willing to work hard to achieve this goal. I don't want a regular career, I want a special career that I can be proud of.

Tôi muốn trở thành một nhân viên được quý trọng của một công ty. Tôi muốn tạo nên sự khác biệt và tôi sẵn sàng làm việc chăm chỉ để đạt được mục tiêu này. Tôi không muốn có một sự nghiệp bình thường, tôi muốn có một sự nghiệp đặc biệt mà tôi có thể tự hào.

Câu hỏi 6.

What do you want to be doing five years from now?

Anh/Chị muốn trở thành gì trong năm năm tới?

(Các) cách trả lời.

In five years, I see myself as a valued employee of a company. I want to be an expert at my position and start training to be a manager.

Trong năm năm tới, tôi thấy bản thân mình là một nhân viên được quý trọng của một công ty. Tôi muốn trở thành một chuyên gia ở vị trí của tôi và bắt đầu đào tạo để trở thành một người quản lý.

In five years, I want to be a senior analyst. I want my expertise to directly impact the company in a positive way.

Trong năm năm tới, tôi muốn trở thành một nhà phân tích cao cấp. Tôi muốn chuyên môn của tôi tác động trực tiếp đến công ty theo hướng tích cực.

My goal is to become a lead in five years. Although not everyone gets promoted to this level, I believe I can achieve this goal through hard work.

Mục tiêu của tôi là trở thành một người lãnh đạo trong năm năm tới. Mặc dù không phải ai cũng được thăng tiến đến cấp độ này, nhưng tôi tin rằng tôi có thể đạt được mục tiêu này bằng cách làm những việc khó.

Although I really enjoy working hands on as a mechanical engineer, I want to eventually become a manager. I want to continue gaining experience, and after learning many different aspects, I see myself in management.

Mặc dù tôi thực sự thích làm việc bằng tay như một kỹ sư cơ khí, nhưng cuối cùng tôi muốn trở thành một người quản lý. Tôi muốn tiếp tục tích lũy kinh nghiệm, và sau khi thấu hiểu được nhiều khía cạnh khác nhau, tôi hình dung bản thân mình nằm trong ban quản lý.

Câu hỏi 7.

If you could change one thing about your personality, what would it be and why?

Nếu anh/chị có thể thay đổi một điều về tính cách của anh/chị, thì đó là gì và tại sao?

(Các) cách trả lời.

I get easily frustrated at people who don't work very hard. But I know people have different work styles and different work habits. So if I could change something, I would like to be more understanding.

Tôi dễ thất vọng với những người làm việc không chăm chỉ. Nhưng tôi biết mọi người đều có những phong cách và thói quen làm việc khác nhau. Vì vậy, nếu tôi có thể thay đổi một điều gì đó, tôi muốn có khả năng tỏ ra khoan thứ/thông cảm nhiều hơn.

I have high expectations and I have these expectations on others. I think if I was more understanding, I could help other workers improve instead of being disappointed.

Tôi có những kỳ vọng cao và tôi kỳ vọng những điều này ở những người khác. Tôi nghĩ rằng nếu tôi thông cảm hơn, tôi có thể giúp các nhân viên khác cải thiện thay vì thất vọng về họ.

I would like to be more of a risk taker. I always do my work and complete it at an exceptional level, but sometimes taking a risk can make the work even better. I'm working on this by thinking the issue through and weighing the pros and cons.

Tôi muốn là người chấp nhận rủi ro nhiều hơn. Tôi luôn làm công việc của tôi và hoàn thành nó ở một mức độ nổi bật, nhưng đôi khi chấp nhận mạo hiểm thậm chí có thể làm cho công việc tốt hơn. Tôi đang nỗ lực làm việc này bằng cách xem xét vấn đề một cách thấu đáo và cân nhắc những thuận lợi và bất lợi của nó.

I would like to be more of an extrovert. I'm a little quiet and a little closer to the introvert side. I would like to change this because I would appear more friendly.

Tôi muốn trở thành một người hướng ngoại nhiều hơn. Tôi hơi trầm lặng và hơi nhút nhát. Tôi muốn thay đổi điều này bởi vì tôi sẽ trở nên thân thiện hơn.

Câu hỏi 8.

What does success mean to you?

Theo anh/chị thành công có nghĩa là gì?

(Các) cách trả lời.

To me, success means to have a goal, plan the steps to achieve the goal, implement the plan, and finally achieve the goal.

Theo tôi, thành công có nghĩa là có mục tiêu, hoạch định các bước để đạt được mục tiêu, thực hiện đầy đủ kế hoạch, và cuối cùng đạt được mục tiêu.

Success means to achieve a goal I have set for myself.

Thành công có nghĩa là đạt được mục tiêu mà tôi đã đặt ra cho bản thân mình.

Success means to produce high quality work before the deadline.

Thành công có nghĩa là đạt được chất lượng cao trong công việc trước thời hạn.

Success to me is knowing that my contributions positively impacted my company.

Theo tôi thành công là biết được những đóng góp của tôi ảnh hưởng tích cực đối với công ty của tôi.

Câu hỏi 9.

What does failure mean to you?

Theo anh/chị thất bại có nghĩa là gì?

(Các) cách trả lời.

Failure is when I do not reach my goal

Thất bại là khi tôi không đạt được mục tiêu của tôi.

I think to fail at something is making a mistake and not learning anything from it.

Tôi nghĩ rằng thất bại trong việc gì đó là phạm sai lầm và không học được bất cứ điều gì từ nó.

I think failure is not reaching your potential. If you do not use the resources you have and the resources around you, that's failure because the work or goal could have been done better.

Tôi nghĩ rằng thất bại là không đạt tới tiềm năng của bạn. Nếu bạn không sử dụng các nguồn lực mà bạn có và các nguồn lực xung quanh bạn, đó là thất bại bởi vì công việc hay mục tiêu có thể đã được thực hiện tốt hơn.

Câu hỏi 10.

Are you an organized person?

Anh/chị có phải là người có tổ chức không?

(Các) cách trả lời.

I'm a very organized person. I like to know exactly what I'm going to do for the day and the week. So I outline my tasks and organize my work load. By doing so, I can organize my time and work better.

Tôi là một người rất có tổ chức. Tôi muốn biết chính xác những gì tôi sẽ làm trong một ngày và một tuần. Vì vậy, tôi phác thảo các nhiệm vụ và tổ chức khối lượng công việc của tôi. Bằng cách làm như vậy, tôi có thể tổ chức thời gian của tôi và làm việc tốt hơn.

I believe I'm very organized. I like to organize my work by priority and deadlines. I do this so that I can produce the highest quality work in the amount of time I have.

Tôi tin rằng tôi rất có tổ chức. Tôi thích tổ chức công việc của tôi theo quyền ưu tiên và các thời hạn cuối. Tôi làm như vậy để có thể đạt được chất lượng công việc cao nhất trong khoảng thời gian mà tôi có.

I think I'm quite organized. I like my documents and papers in a way where I can retrieve them quickly. I also organize my work in a way where it's easy to see exactly what I'm doing.

Tôi nghĩ là tôi khá có tổ chức. Tôi thích các tài liệu và giấy tờ của tôi ở nơi mà tôi có thể lấy chúng nhanh chóng. Tôi cũng tổ chức công việc của tôi theo cách để dễ dàng thấy được chính xác những gì tôi đang làm.

Organization has always come easy to me. I naturally organize things like my desk, time, assignments, and work without thinking about them. This helps me tremendously during times when I'm approaching a deadline.

Đối với tôi, tổ chức không khó. Tôi tự động sắp xếp mọi thứ như bàn làm việc, thời gian, các nhiệm vụ, và công việc mà không cần suy nghĩ về chúng. Điều này giúp tôi rất nhiều trong những lần mà tôi sắp đến thời hạn chót.

Câu hỏi 11.

In what ways are you organized and disorganized?

Anh/Chị tổ chức và thiếu tổ chức trong những việc gì?

(Các) cách trả lời.

I'm very organized with my time and work, but my desk is a little disorganized

Tôi rất có tổ chức về thời gian và công việc của tôi, nhưng bàn làm việc của tôi có hơi lộn xộn.

Since I work with many files, I like to keep my desk organized. I always have everything in a certain place so I can find things easier. The area I'm disorganized is probably my computer desktop. I usually have so many icons everywhere. I should organize it a little, but I've never needed to.

Vì tôi làm việc với nhiều hồ sơ, nên tôi muốn giữ cho bàn làm việc của tôi ngăn nắp. Tôi luôn để mọi thứ ở một nơi nhất định để tôi có thể tìm thấy dễ dàng hơn. Nơi mà tôi không sắp xếp có thể là màn hình máy vi tính của tôi. Tôi thường để quá nhiều biểu tượng ở khắp nơi. Tôi nên sắp xếp nó lại một chút, nhưng tôi chưa thấy cần thiết.

I organize my schedule the best. I'm used to many meetings so it's important for me to be organized with my schedule and time. The area I need to improve is probably my file cabinet. I started to sort things alphabetically, but when I'm busy, I start putting things in there. It started getting hard to find things, but this is something I'm going to fix.

Tôi giỏi nhất trong việc sắp xếp thời gian biểu của mình. Tôi đã quen với việc có nhiều cuộc họp, vì vậy đối với tôi điều quan trọng là lịch trình và giờ giấc cần phải được sắp xếp. Nơi tôi cần cải thiện có lẽ là tủ đựng tài liệu của tôi. Tôi đã phân loại các thứ theo chữ cái, nhưng khi bận quá, tôi bắt đầu bỏ mọi thứ vào đó. Bắt đầu khó tìm các thứ, nhưng đây là việc mà tôi sẽ sửa chữa.

Câu hỏi 12.

Do you manage your time well?

Anh/Chị quản lý thời gian của mình có tốt không?

In what ways do you manage your time well?

Anh/Chị quản lý thời gian của mình theo những cách nào?

(Các) cách trả lời.

I know I manage my time well because I'm never late to work, and I've never missed a deadline.

Tôi biết tôi quản lý thời gian của mình tốt bởi vì tôi chưa bao giờ đi làm trễ, và chưa bao giờ bị trễ thời hạn cuối.

I'm good at managing my time. I stay both busy at home and at work and being able to manage my time is necessary for me to do everything that I want to do.

Tôi giỏi quản lý thời gian của tôi. Tôi bận việc cả ở nhà lẫn tại nơi làm việc và có thể quản lý thời gian của mình là cần thiết đối với tôi để làm mọi việc mà tôi muốn làm.

I manage my time well by planning out what I have to do for the whole week. It keeps me on track and even helps me to be more efficient.

Tôi quản lý thời gian của mình tốt bằng cách lập kế hoạch cho những việc tôi phải làm trong cả tuần. Nó giữ cho tôi theo dõi việc việc đang làm và thậm chí giúp tôi đạt hiệu quả cao hơn.

Câu hỏi 13.

How do you handle change?

Anh/Chị đối phó với sự thay đổi thế nào?

Are you good at dealing with change?

Anh/Chị có giỏi trong việc đối phó với sự thay đổi không?

(Các) cách trả lời.

I'm good at dealing with change because I'm a quick thinker. If new information makes us change our marketing strategy for example, I'll be quick to analyze the information and create a plan to make the changes.

Tôi giỏi trong việc đối phó với sự thay đổi vì tôi là một người có suy nghĩ nhạy bén. Ví dụ, nếu những thông tin mới làm chúng tôi phải thay đổi chiến lược tiếp thị, tôi sẽ nhanh chóng phân tích các thông tin này và đề ra một kế hoạch để tạo nên những thay đổi.

I've experienced many changes previously. I handle the situation by quickly coming up to speed on the changes and applying myself to make them a success.

Trước kia tôi đã trải qua nhiều sự thay đổi. Tôi đối phó tình hình này bằng cách nắm bắt thật nhanh thông tin về những thay đổi và làm việc cật lực để phù hợp với những thay đổi đó.

I'm good at dealing with change because I'm flexible with my work and abilities. I'm not afraid of learning new and difficult things. Whenever I'm faced with a change, I'll put in extra effort to make the change a smooth transition.

Tôi giỏi trong việc đối phó với sự thay đổi vì tôi linh động trong công việc và những tài năng của tôi. Tôi không sợ học hỏi những điều khó và mới. Bất cứ khi nào tôi phải đối mặt với một sự thay đổi, tôi sẽ nỗ lực nhiều hơn để làm cho sự thay đổi đó thành một sự chuyển tiếp trơn tru/nhẹ nhàng.

I handle changes smoothly. Whenever there's a change of any sort, I analyze the situation and I always try to find ways I can contribute to the change in a positive way.

Tôi đối phó với những sự thay đổi một cách trơn tru. Bất cứ khi nào có một sự thay đổi về bất cứ thứ gì, tôi cũng đều phân tích tình hình và lúc nào cũng cố gắng tìm ra các phương cách để cải thiện sự thay đổi đó theo một hướng tích cực.

Câu hỏi 14.

How do you make important decisions?

Làm thế nào để anh/chị đưa ra các quyết định quan trọng?

(Các) cách trả lời.

I make important decisions by examining all the details and then weighing the pro's and con's for each decision.

Tôi đưa ra các quyết định quan trọng bằng cách kiểm tra tất cả các chi tiết, sau đó cân nhắc những thuận lợi và bất lợi đối với từng quyết định.

I gather all the information I can find and based on the information, I'll come to the best decision I can. If I know a coworker was in a similar situation, I wouldn't hesitate to find out the results to make sure my decision is the best one.

Tôi thu thập tất cả các thông tin mà tôi có thể tìm thấy và dựa trên các thông tin đó, tôi sẽ đi đến quyết định tối ưu mà tôi có thể. Nếu tôi biết một đồng nghiệp ở trong một tình huống tương tự, tôi sẽ không ngần ngại tìm ra các kết quả để đảm bảo rằng quyết định của tôi là tốt nhất.

I believe all decisions should be made by having all the information. If you are missing an important detail, it's easy to make a bad decision. So I make important decisions by having all of the information.

Tôi tin rằng tất cả các quyết định cần được đưa ra khi có tất cả các thông tin. Nếu anh/chị đang thiếu một chi tiết quan trọng, thì rất dễ đưa ra một quyết định tồi tệ. Vì vậy, tôi đưa ra những quyết định quan trọng khi đã có tất cả các thông tin.

Important decisions are made by knowledge through information and wisdom through experience. I'll gather all the information I can and then apply my experience while analyzing the information. With this combination, I'm confident I'll make the correct important decisions.

Những quyết định quan trọng được đưa ra bằng sự hiểu biết thông qua thông tin và bằng sự sáng suốt thông qua kinh nghiệm. Tôi sẽ thu thập tất cả các thông tin mà tôi có thể tìm thấy và sau đó áp dụng kinh nghiệm của mình trong lúc phân tích các thông tin này. Bằng sự kết hợp này, tôi tin là tôi sẽ đưa ra được các quyết định quan trọng đúng.

Câu hỏi 15.

Do you work well under pressure?

Anh/Chị có làm việc tốt khi bị áp lực không?

(Các) cách trả lời.

I work well under pressure because I use the pressure to help me work more efficiently

Tôi làm việc tốt khi bị áp lực vì tôi sử dụng áp lực để giúp tôi làm việc hiệu quả hơn.

I enjoy working under pressure because I believe it helps me grow. In my previous experience, I always worked well during deadlines, and I always learned how to work more efficiently afterwards.

Tôi thích làm việc dưới áp lực vì tôi tin rằng nó sẽ giúp tôi trưởng thành. Theo kinh nghiệm trước đây của tôi, tôi luôn luôn làm việc tốt trong hạn cuối, và sau đó tôi luôn học được cách làm việc hiệu quả hơn.

I work well under pressure because I don't panic. I maintain self-control and work as efficiently as possible. In all my experiences, I did well and I always enjoyed the experience.

Tôi làm việc tốt khi có áp lực bởi vì tôi không sợ. Tôi duy trì việc kiểm soát bản thân và làm việc càng hiệu quả càng tốt. Trong tất cả những trải nghiệm của tôi, tôi đã làm tốt và tôi luôn có được kinh nghiệm.

During times of pressure, I try to prioritize and plan as much as I can. After I'm organized, I really just put my head down and work hard in a smart way. I don't let the pressure affect me. So I believe I work well under pressure.

Trong những lần bị áp lực, tôi cố gắng ưu tiên lập kế hoạch nhiều đến mức tối đa. Sau khi tôi sắp xếp xong, thực ra tôi chỉ cần vùi đầu vào làm việc chăm chỉ theo một cách thông minh. Tôi không để áp lực ảnh hưởng đến tôi. Vì vậy, tôi tin rằng tôi làm việc tốt khi bị áp lực.

Câu hỏi 16.

Which category do you fall under? A person who anticipates a problem well, or a person who reacts to a problem well?

Anh/Chị được xếp vào loại người nào? Một người lường trước được một rắc rối giỏi, hay một người phản ứng lại một rắc rối giỏi?

(Các) cách trả lời.

I think it's good to be good at both. But in my experience, I realized I react to problems better.

Tôi nghĩ nếu là cả hai thì tốt. Nhưng theo kinh nghiệm của tôi, tôi nhận ra tôi phản ứng lại những rắc rối giỏi hơn.

Whenever I'm faced with a new problem, I know what steps to take to deal with the problem.

Bất cứ khi nào phải đối mặt với một rắc rối mới, tôi biết những biện pháp nào cần có để giải quyết rắc rối đó.

I believe I'm strong in both, but I try to work more on anticipating problems. In this profession, it's very important to anticipate a problem and fix it before it becomes a real problem.

Tôi tin là tôi giỏi cả hai, nhưng tôi cố gắng thực hiện việc lường trước các vấn đề rắc rối nhiều hơn. Trong nghề này, lường trước được một rắc rối và sửa chữa nó trước khi nó trở thành một rắc rối thực sự là rất quan trọng.

I'm very observant and aware of what's going on, so I'm stronger at anticipating problems.

Tôi rất tinh ý/hay quan sát và nhận thức được chuyện gì đang xảy ra, vì vậy tôi giỏi lường trước được những rắc rối hơn.

I'm good at dealing with problems, so I'm a person who reacts to a problem well.

Tôi giỏi đối phó với những rắc rối, vì vậy tôi là người phản ứng lại một rắc rối giỏi.

Câu hỏi 17.

Are you a risk taker or do you like to stay away from risks?

Anh/Chị là người chấp nhận rủi ro hay anh/chị là người tránh xa những rủi ro?

(Các) cách trả lời.

I consider myself to be in the middle, but if I were to choose from my past experience, I would think I would call myself a careful risk taker.

Tôi nghĩ tôi ở giữa, nhưng nếu tôi phải chọn từ kinh nghiệm của mình, thì tôi nghĩ tôi sẽ gọi mình là một người chấp nhận rủi ro thận trọng.

I'm reliable and believe in stability and guarantees. My work will be based on facts without assumptions or guesses, so I tend to stay away from risks.

Tôi là người đáng tin cậy và tin vào sự kiên định và những sự bảo đảm. Việc làm của tôi sẽ dựa vào các sự kiện mà không có những sự giả định hoặc suy đoán, vì vậy tôi có khuynh hướng tránh xa các rủi ro.

I think it's important to take some risks. I keep the options open and if the reward justifies the risks, I would definitely try. So I'm more of a risk taker.

Tôi nghĩ liều lĩnh quan trọng lắm. Tôi chưa quyết định bây giờ và nếu phần thưởng biện minh cho những rủi ro, thì nhất định tôi sẽ thử. Do đó, tôi là người chấp nhận rủi ro nhiều hơn.

I take risks because through planning and working smart, it's possible to reduce some of the risk. So if there's a reasonable chance of success, I would take the opportunity.

Tôi đương đầu với những rủi ro vì qua sự hoạch định và làm việc thông minh, rủi ro có thể được giảm thiểu. Vì vậy nếu có cơ hội thành công hợp lý, tôi sẽ nắm lấy cơ hội đó.

Câu hỏi 18.

Why should I hire you?

Tại sao tôi nên thuê anh/chị?

(Các) cách trả lời.

I'm a perfect fit for this position. I have the experience and the traits you are looking for. On top of that, I'm a great team player that gets along with everyone.

Tôi hoàn toàn phù hợp với vị trí này. Tôi có kinh nghiệm và những phẩm chất mà công ty đang tìm kiếm. Trên hết tôi là một nhân viên xuất sắc và có thể gắn bó lâu dài với đội mà mình hợp tác.

I should be hired because I'm efficient, smart, and friendly. I'm great at solving problems and love challenges. Most importantly, I'm dependable and reliable.

Tôi là người mà các anh nên thuê vì tôi làm việc hiệu quả, thông minh và thân thiện. Tôi giải quyết tốt các vấn đề và thích những thách thức. Quan trọng nhất, tôi là người đáng tin cậy.

There are two reasons I should be hired. First, my qualifications match your needs perfectly. Second, I'm excited and passionate about this industry and will always give 100%.

Có hai lý do các anh nên thuê tôi. Thứ nhất, khả năng của tôi hoàn toàn phù hợp với các nhu cầu của các anh. Thứ hai, tôi thích và say mê ngành công nghiệp này và sẽ luôn luôn cống hiến 100% sức lực của mình cho công việc.

You should hire me because I'm confident and I'll do the best job. I have a proven track record of success starting from high school until now. I'm responsible and smart.

Các anh nên thuê tôi vì tôi tự tin và tôi sẽ làm việc đạt hiệu quả nhất. Tôi có một hồ sơ theo dõi và đã chứng minh được sự thành công từ hồi tôi còn học trung học cho tới bây giờ. Tôi là người có trách nhiệm và thông minh.

This position requires someone that will work well without supervision. I know how to manage my time and organize my work well. So, I'm confident I'll be the best candidate for this position.

Vị trí này yêu cầu một người nào đó phải làm tốt công việc mà không cần sự giám sát. Tôi biết quản lý thời gian của tôi, và có khả năng tổ chức tốt công việc của mình. Vì vậy, tôi tự tin cho rằng tôi sẽ là ứng cử viên tốt nhất cho vị trí này.

Câu hỏi 19.

Tell me about Q's... / Tell me about a time you made a mistake

Hãy nói cho tôi nghe một lần anh/chị mắc phải khuyết điểm.

(Các) cách trả lời.

I was given a project to complete in a week. I understood the project, but I misinterpreted one section. After completing the project, I was told by my manager that it was done incorrectly. I really made a mistake by assuming incorrectly in one of the sections instead of asking for clarification. I learned not to assume through the mistake I made.

Tôi được giao cho một dự án phải hoàn thành trong vòng một tuần. Tôi nắm được dự án đó nhưng lại hiểu sai 1 phần dự án. Sau khi hoàn thành dự án, người quản lý của tôi đã nói với tôi

dự án đã hoàn thành không đúng. Tôi thật sự mắc sai lầm do đã giả định sai một trong các phần của dự án thay vì hỏi để được giải thích chi tiết. Tôi nhận ra là không được giả định thông qua sai lầm mà tôi đã mắc phải.

Câu hỏi 20.

Tell me about a time you made a good decision.

Hãy nói cho tôi nghe một lần anh/chị ra quyết định đúng.

Tell me about a time you found a solution to a problem.

Hãy nói cho tôi nghe một lần anh/chị đã tìm được cách giải quyết một rắc rối.

(Các) cách trả lời.

During my last project, we ran into a difficult problem. This was high priority so everyone was instructed to find a solution. I started looking for more information on the Internet, I even talked to a different manager on a different team. This helped tremendously and our problem was solved. I made a decision to use every resource I could find, and in the end, it solved the problem.

Trong lúc làm dự án cuối cùng của tôi, chúng tôi đã trải qua một vấn đề gay go. Đây là ưu tiên hàng đầu, vì vậy mọi người được chỉ thị tìm ra một cách giải quyết. Tôi bắt đầu tìm kiếm nhiều thông tin trên mạng hơn, thậm chí thảo luận với quản lý của một đội khác. Việc này đã cải thiện được tình hình rất tốt và rắc rối của chúng tôi đã được giải quyết. Tôi đã quyết định sử dụng mọi nguồn lực mà tôi có thể tìm thấy, và cuối cùng, việc đó đã giải quyết được rắc rối.

Câu hỏi 21.

Tell me about a time you made a poor decision.

Hãy nói cho tôi nghe một lần anh đã ra quyết định sai.

(Các) cách trả lời.

When I was doing an audit for a small company, there was a problem with one of the accounts. I tried to contact the company to ask questions, but they were not there. I made the decision to keep looking for the answer. Four hours later, they returned my call and I realized it was a

simple typo. I wasted 4 hours of my day. In this case, I was too sensitive about detail. So I learned how not to be so detailed and picky.

Khi tôi còn là kiểm toán cho một công ty nhỏ, có vấn đề đối với một trong các sổ sách kế toán. Tôi đã cố liên hệ với công ty để hỏi, nhưng họ không có ở đó. Tôi quyết định tiếp tục tìm kiếm câu trả lời. Sau bốn tiếng, họ gọi lại cho tôi và tôi nhận ra đó là tại lỗi đánh máy. Tôi đã lãng phí 4 giờ đồng hồ của tôi vào ngày hôm đó. Trong trường hợp này tôi đã quá nhạy cảm với các chi tiết. Vì vậy tôi nhận ra rằng không nên quá tỉ mỉ và cầu kỳ.

Câu 22.

Tell me about a time you fired someone.

Hãy nói cho tôi nghe về lần anh/chị sa thải một người nào đó.

(Các) cách trả lời.

In my last position, I had four people reporting to me. One of my direct reports failed to show up on time, complete assignments, and really didn't care about the work. I tried to encourage the employee, assign different types of work to him, and even sat down and showed him how to do things. After 2 months of trying, I had to let him go.

Khi còn ở chức vụ cuối cùng, tôi có bốn nhân viên có nhiệm vụ gửi báo cáo cho tôi. Một trong số đó thường nộp báo cáo quá hạn, không hoàn thành các nhiệm vụ, và đã không thật sự để tâm đến công việc. Tôi đã cố gắng khích lệ anh ta, giao cho anh ta nhiều loại công việc khác nhau, thậm chí còn ngồi cạnh và chỉ cho anh ấy cách làm mọi thứ. Sau 2 tháng cố gắng, tôi đã phải cho anh ta nghỉ việc.

Our company was down sizing and I had to let two people go. It's easier when a person does a terrible job, but if everyone is doing their jobs well, it's more difficult. I had to select the bottom two performers and explained why they were being let go.

Công ty của tôi có đợt cắt giảm biên chế và tôi đã phải sa thải 2 nhân viên. Sẽ dễ dàng sa thải hơn khi người đó làm việc không tốt, nhưng nếu mọi người đều làm tốt công việc của họ thì khó hơn nhiều. Tôi đã phải chọn 2 nhân viên cấp thấp nhất và giải thích cho họ lý do vì sao họ lại bị nghỉ việc.

Câu hỏi 23.

Tell me about a time you hired someone.

Hãy nói cho tôi nghe một lần anh/chị tuyển nhân viên.

(Các) cách trả lời.

I received a resumé but it didn't have all our requirements. I initially thought she wasn't a fit, but after looking over the education background and the previous work experience, I thought this person would have more potential than other candidates. After interviewing her, we extended an offer. She was a quick learner and performed at an exceptional level. Sometimes it's important to see potential and in this instance, it was a great hire.

Tôi nhận được một bản sơ yếu lý lịch nhưng trong đó không có tất cả những yêu cầu của chúng tôi. Ban đầu tôi nghĩ rằng cô ấy không phải là một người phù hợp, nhưng sau khi xem qua nền tảng kiến thức và kinh nghiệm làm việc trước đây, tôi nghĩ rằng người này sẽ có nhiều tiềm năng hơn các ứng viên khác. Sau khi phỏng vấn cô ấy, chúng tôi đã đưa ra lời đề nghị. Cô ấy là người tiếp thu rất nhanh và thể hiện được sự vượt trội. Đôi khi nhìn thấy được tiềm năng là điều quan trọng và trong trường hợp này, đó là một người làm thuê tuyệt vời.

Câu hỏi 24.

Tell me about a time you failed to complete an assignment on time.

Hãy kể tôi cho tôi nghe về lần anh/chị không hoàn thành công việc được giao đúng hạn.

(Các) cách trả lời.

One time, I had a project that was due on Tuesday. On Friday I analyzed our progress and I was ahead of schedule. I didn't have to work over the weekend to complete the assignment. On Monday, my manager was sick so I had to attend several meetings that took all day. Because of that, I didn't complete my assignment until Wednesday. Now, I try to finish my assignments a day or half a day early because something unexpected could come up.

Một lần, tôi có một dự án phải hoàn thành vào thứ Ba. Thứ Sáu trước đó, tôi đã phân tích tiến trình làm việc của chúng tôi và tôi đã đi trước so với thời hạn đã định. Tôi đã không phải làm việc vào những ngày cuối tuần để hoàn thành nhiệm vụ. Vào thứ Hai, quản lý của tôi bị ốm thế là tôi phải tham dự vài cuộc họp diễn ra suốt cả ngày. Vì lý do đó tôi đã không hoàn thành nhiệm vụ của mình mãi cho đến thứ 4. Bây giờ thì tôi luôn cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của mình sớm trước một ngày hoặc nửa ngày, bởi vì một chuyện gì đó có thể xảy ra mà mình không ngờ tới.

Câu hỏi 25.

Tell me about a time you found a solution to save the company money.

Hãy kể cho tôi nghe một lần anh/chị tìm ra giải pháp tiết kiệm tiền cho công ty.

(Các) cách trả lời.

Hmmm... I wasn't really in any position to save the company money, but I have one small example. When we were a smaller company, we didn't get a significant corporate discount on our hardware. After we grew in size, we qualified for the larger discount, but nobody realized that we now met the quota. I pointed this out and we started saving 5% more on our hardware.

Hmmm... Tôi thực sự chưa ở bất kỳ tình huống nào để tiết kiệm tiền cho công ty, nhưng tôi có một ví dụ nhỏ như sau. Khi chúng tôi còn làm việc cho một công ty nhỏ, chúng tôi không được chiết khấu đáng kể về máy móc của chúng tôi từ tập đoàn. Sau khi phát triển lớn hơn, chúng tôi đã có đủ điều kiện để được chiết khấu nhiều hơn, nhưng không ai nhận ra rằng lúc bấy giờ chúng tôi đã đạt đến mức hạn ngạch. Tôi muốn đề cập đến điều này và chúng tôi đã bắt đầu tiết kiệm được hơn 5% tiền máy móc.

Câu hỏi 26.

Tell me about a time you aimed too high.

Hãy kể cho tôi nghe một lần anh/chị đã tham vọng quá cao.

(Các) cách trả lời.

We had a new project that I was interested in. Even though I was busy, I volunteered to take on the assignment. I had to work so much more. Although I managed to complete the assignment, it really burned me out. I feel I aimed too high and I would have benefited by doing a better job on my current assignments instead of wanting more challenges.

Chúng tôi đã có một dự án mới mà tôi rất thích. Mặc dù tôi bận, nhưng tôi vẫn tình nguyện nhận nhiệm vụ. Tôi đã làm việc quá nhiều. Mặc dù đã hoàn thành nhiệm vụ, nhưng tôi hoàn toàn kiệt sức. Tôi cảm thấy mình đã tham vọng quá cao và lẽ ra tôi sẽ được lợi hơn bằng việc thực hiện các nhiệm vụ hiện có của mình tốt hơn thay vì cứ muốn có thêm những thử thách.

Câu hỏi 27.

Tell me about a time you aimed too low.

Hãy kể cho tôi nghe một lần anh/chị đã tham vọng quá thấp.

(Các) cách trả lời.

There was a new project that I was interested in. Because I had other responsibilities, I didn't volunteer. I wasn't too busy, but I was worried I wouldn't complete the assignment on time. I realized I missed a wonderful opportunity because I aimed too low.

Có một dự án mới mà tôi rất thích. Vì tôi còn có những trách nhiệm khác, nên tôi đã không tình nguyện tham gia. Tôi không quá bận rộn, nhưng tôi lo là sẽ không hoàn thành nhiệm vụ đúng thời hạn. Tôi nhận ra tôi đã bỏ lỡ một cơ hội tuyệt vời vì tôi có tham vọng quá thấp.

Câu hỏi 28.

Tell me about a time you made a great sale.

Hãy kể cho tôi nghe một lần anh/chị đã thực hiện được một cuộc bán hàng lớn.

(Các) cách trả lời.

I had a customer come in that was a little rude. He had many questions and cut me off very frequently. I stayed patient and explained everything to his satisfaction. He ended up representing a medium sized business that required a large order. I feel this was a great sale because I treated this customer with respect and patience.

Tôi đón một khách hàng bước vào với một thái độ hơi khiếm nhã. Ông ta hỏi nhiều câu hỏi và hay ngắt lời tôi. Tôi vẫn kiên nhẫn giải thích mọi thứ để làm vừa lòng ông ta. Cuối cùng tôi mới biết ông ta đại diện cho một công ty tầm cỡ trung, và công ty này đã yêu cầu đặt hàng với số lượng lớn. Tôi cảm thấy đây là một cuộc bán hàng tuyệt vời vì tôi đã đối đãi với vị khách hàng này bằng sự kính trọng và kiên nhẫn.

Câu hỏi 29.

Tell me about a time you went over budget.

Hãy kể cho tôi nghe một lần anh/chị đã vượt quá ngân quỹ.

(Các) cách trả lời.

During our marketing campaign, we realized how many customers we were gaining through the radio advertisements. Although we didn't have budget for more radio advertisement, I still made the decision to place our ad on three more stations. We increased sales by 25% for that month, but I ended up going over budget by 5%.

Trong lúc thực hiện chiến dịch tiếp thị, chúng tôi nhận thức được bao nhiêu khách hàng mà chúng tôi đã có được thông qua các quảng cáo trên đài phát thanh. Mặc dù chúng tôi không biết ngân quỹ có còn để quảng cáo trên đài nữa hay không, nhưng tôi vẫn quyết định đặt quảng cáo thêm ba trạm nữa. Chúng tôi đã tăng doanh số bán hàng khoảng 25% vào tháng đó, nhưng cuối cùng tôi mới biết là đã vượt ngân quỹ đến khoảng 5%.

Câu hỏi 30.

What extracurricular activities were you involved in?

Anh/Chị đã tham gia các hoạt động ngoại khóa gì?

(Các) cách trả lời.

I was involved in our school newspaper. I was one of the writers for three years.

Tôi đã tham gia vào tờ báo của trường. Tôi là một trong những người viết khoảng ba năm.

I was very active in our university politics. In my senior year, I was the vice president of the University

Tôi đã tích cực tham gia vào hoạt động chính trị của trường đại học. Vào năm học cuối, tôi là phó chủ tịch của trường.

Besides studying, I played baseball for our school. I really like to study and to stay physically active.

Ngoài việc học ra, tôi đã chơi bóng chày cho trường. Tôi rất thích học tập và vẫn còn hoạt động thể hình.

I was involved with a group that helped awareness of environmental problems such as pollution. I was on a team that educated people about driving alternatives such as buses and carpooling.

Tôi đã tham gia vào nhóm giúp cải thiện nhận thức những vấn đề về môi trường chẳng hạn như ô nhiễm. Tôi đã ở một đội dạy người ta về sự lựa chọn các khả năng lái xe, ví dụ như giữa việc dùng xe buýt và việc dùng chung một xe hơi.

Câu hỏi 31.

Why did you choose your major?

Tại sao anh chọn chuyên ngành này?

(Các) cách trả lời.

I majored in History because I enjoyed learning about the past. I always try to apply my history knowledge in many things I do. This knowledge allowed me to study many different experiences.

Tôi chuyên ngành lịch sử vì tôi thích học về những cái đã xảy ra trước đây. Tôi luôn cố gắng áp dụng sự hiểu biết về lịch sử của mình vào nhiều việc tôi làm. Kiến thức này đã cho phép tôi nghiên cứu nhiều trải nghiệm khác nhau.

I majored in English because it was a major that would make me more skilled in reading, writing, and communicating. I believe English is a tool that is used everywhere, so I thought it was the best major for me.

Tôi chuyên ngành tiếng Anh vì đó là một môn học chính sẽ làm cho tôi có kỹ năng hơn trong việc đọc, viết và giao tiếp. Tôi tin rằng tiếng Anh là một công cụ được sử dụng ở khắp mọi nơi, vì vậy tôi đã nghĩ đó là chuyên ngành tốt nhất đối với tôi.

I majored in Psychology because I was interested in seeing how the mind works. I also found it useful because it helped me to work with people better by understanding differences in everyone.

Tôi chuyên ngành tâm lý học vì tôi thích hiểu rõ tâm trí hoạt động như thế nào. Tôi cũng nhận thấy chuyên ngành này rất có ích vì nó giúp tôi làm việc với mọi người tốt hơn do hiểu rõ những sự khác nhau ở từng người.

I majored in Biology because I initially wanted to go to med school. Although I decided not to go to med school, I still wanted to complete my bachelor's degree.

Tôi chuyên về Sinh vật học vì lúc đầu tôi muốn học trường Y. Mặc dù tôi đã quyết định không học trường Y, nhưng tôi vẫn muốn hoàn tất bằng cử nhân của mình.

Câu hỏi 32.

If you redo college again, what would you major in?

Nếu anh/chị được vào đại học lại, anh/chị sẽ vào ngành gì?

(Các) cách trả lời.

I didn't realize I was so interested in computers until I graduated college. So if I could select a different major, I would major in Computer Science.

Tôi đã không nhận ra là tôi rất thích vi tính cho đến khi tôi tốt nghiệp đại học. Vì vậy nếu có thể chọn lại một chuyên ngành khác thì tôi sẽ chọn Khoa học Vi tính.

I liked the fact I completed my degree in English. But if I could redo my college again, I would like to double major in English and Business.

Tôi thích sự kiện hoàn tất bằng cấp tiếng Anh của mình. Nhưng nếu có thể được học lại đại học, tôi sẽ chọn hai ngành Tiếng Anh và Thương mại.

I would like to have majored in Engineering. I have a strong interest in hardware so I believe Engineering would have helped.

Tôi muốn học chuyên ngành Kỹ sư. Tôi rất thích máy móc, vì vậy tôi tin ngành Kỹ sư ắt hẳn là có ích.

I would choose to major in Marketing in the Business School. I really enjoy this type of work and having more background would have helped me excel more.

Tôi sẽ chọn chuyên ngành tiếp thị ở trường Kinh doanh. Tôi rất thích loại công việc này và việc có nhiều kinh nghiệm hơn ắt hẳn đã làm cho tôi nổi trội hơn.

Câu hỏi 33.

What course did you like the most?

Anh/Chị thích nhất khóa học nào?

What was your favorite subject?

Môn học yêu thích của anh/chị là gì?

(Các) cách trả lời.

I really enjoyed an English writing class I took. This class taught me to write more clearly and concisely.

Tôi rất thích khóa học viết tiếng Anh mà tôi đã tham dự. Khóa học này đã dạy tôi viết rõ ràng và súc tích hơn.

My favorite subject was Physics. It really helped my logic abilities and I use this knowledge to solve problems in a variety of ways.

Môn học yêu thích của tôi là Vật lý. Nó thật sự giúp các khả năng tư duy lô-gic của tôi và tôi dùng kiến thức này để giải quyết các vấn đề theo nhiều cách khác nhau.

There was a speech class I took that I really enjoyed. It helped me to speak in groups better and I learned to speak professionally in front of an audience.

Tôi đã tham gia một khóa học về thuyết trình mà tôi rất thích. Nó đã giúp tôi nói trước các nhóm tốt hơn và tôi đã học được cách phát biểu một cách chuyên nghiệp trước đám đông.

My favorite subject was applied science. I really enjoyed learning different ways of applying science into ordinary things.

Môn học yêu thích mà tôi đã đăng ký là khoa học. Tôi rất thích học các cách ứng dụng khoa học khác nhau vào những thứ thông thường.

Câu hỏi 34.

What course did you like the least?

Anh/Chị không thích khóa học nào nhất?

What course did you struggle in the most?

Anh/Chị phải vật lộn với khóa học nào nhiều nhất?

(Các) cách trả lời.

I didn't enjoy history that much. It wasn't that difficult, but it didn't allow me to think creatively. Most of the classes I took were about memorizing dates and facts. So history is my least favorite subject.

Tôi không thích môn lịch sử chút nào. Nó không khó nhưng nó không cho phép tôi nghĩ sáng tạo. Hầu hết các tiết học tôi dự đều về việc ghi nhớ ngày tháng và sự kiện. Vì vậy lịch sử là môn học tôi không thích nhất.

I struggled in a music class the most. I really enjoy listen to music so I tried to learn a little about it. But it was a disaster. My tone was off and I couldn't tell if something was flat or not.

Tôi vật lộn trong giờ học nhạc nhiều nhất. Tôi rất thích nghe nhạc, vì vậy tôi đã cố học một ít về nó. Nhưng đó là một thảm họa. Giọng tôi tẻ lắm và tôi không biết nó giáng hay là không nữa.

My least favorite class was probably poetry. During that course I struggled writing a real poem. I realized I am not a poet.

Giờ học ít yêu thích nhất của tôi có lẽ là thơ ca. Trong lúc học khóa này tôi đã vật lộn để viết một bài thơ nghiêm chỉnh. Tôi nhận ra là tôi không phải là một nhà thơ.

I disliked my geography class. It wasn't difficult, but I simply didn't find it very interesting.

Tôi không thích giờ địa lý. Nó không khó, nhưng chỉ là là tôi không thấy nó thú vị.

Câu hỏi 35.

How will your performance in your worst class affect your performance on this job?

Thành tích trong giờ học tệ nhất của anh sẽ ảnh hưởng đến hiệu suất làm công việc này của anh/chị thế nào?

(Các) cách trả lời.

No matter if I liked the class or not, I always tried my hardest. As a result, the lowest grade I ever received was a B. So I'm confident that I'll be good at any task.

Dù cho tôi đã thích hay không thích giờ học đó như thế nào đi chăng nữa, thì tôi vẫn luôn cố gắng hết mình. Kết quả là điểm thấp nhất trong tất cả những điểm thấp mà tôi đã từng nhận là B. Vì vậy tôi tin là tôi sẽ làm tốt mọi nhiệm vụ.

My performance in my worst class will positively impact my performance on this job. I struggled with a logic class, but I studied harder, researched more information, and I never gave up.

Thành tích trong giờ học tệ nhất của tôi sẽ tác động một cách tích cực vào hiệu suất làm công việc này. Tôi đã vật lộn trong giờ học môn luận lý học, nhưng tôi đã học chăm chỉ hơn, tìm kiếm nhiều thông tin hơn và tôi chưa bao giờ đầu hàng.

Câu hỏi 36.

How would your best friend describe you?

Bạn thân nhất của anh/chị nói về anh/chị như thế nào?

(Các) cách trả lời.

Oh, let's see... I think my best friend would describe me as honest, detailed, and very organized.

Ồ, để xem nào... tôi nghĩ bạn thân nhất của tôi nói tôi chân thật, tỉ mỉ, và rất có tổ chức.

I think my best friend would say that I'm very responsible. Whenever our group of friends had to coordinate an activity, they always relied on me.

Tôi nghĩ bạn thân nhất của tôi nói rằng tôi rất có trách nhiệm. Bất cứ khi nào nhóm bạn của chúng tôi phải hợp tác với nhau trong một hoạt động, họ luôn luôn tin tưởng tôi.

My best friend would probably say that I'm warm, friendly, and understanding.

Bạn thân nhất của tôi có lẽ nói rằng tôi thân thiện, nhiệt tình và hiểu biết.

Câu hỏi 37.

How would your professor describe you?

Giáo sư của anh/chị nói về anh/chị như thế nào?

(Các) cách trả lời.

I think my professor would describe me as a great team member and consistent in my school work.

Tôi nghĩ giáo sư của tôi nói tôi là một đồng đội tốt và kiên định trong những công việc ở trường.

My professor told me one time that I was like a fireball. I always had a good attitude that positively affected other students in group activities.

Có một lần giáo sư của tôi nói với tôi rằng tôi là một người đầy nghị lực. Tôi luôn luôn có thái độ tốt, thái độ này đã ảnh hưởng tích cực đến các sinh viên khác trong các hoạt động của nhóm.

My professor always told me that I was very creative. He liked my papers because they showed that I really thought about the problem and tackled it in a different way.

Giáo sư của tôi luôn nói với tôi rằng tôi rất sáng tạo. Ông thích các bài làm của tôi vì chúng cho ông thấy tôi đã thật sự suy nghĩ đến vấn đề và đã giải quyết nó theo một phương cách khác.

Câu hỏi 38.

How would your mother describe you?

Mẹ của anh/chị nói về anh/chị như thế nào?

(Các) cách trả lời.

I think my mother would say I'm very friendly because I had a lot of friends and that I'm very focused because I always finish what I start.

Tôi nghĩ theo bà, tôi rất thân thiện vì tôi có rất nhiều bạn bè; và tôi rất tập trung vì tôi luôn luôn hoàn thành việc mà tôi khởi xướng.

Since I was the oldest out of three, I think my mother would describe me as responsible and someone who is looked to for answers.

Vì tôi là con cả trong ba người, tôi nghĩ mẹ tôi nói tôi là người có trách nhiệm và là người được trông đợi đưa ra các giải pháp.

My mother told me I was always smart. When I was younger, she was surprised to see A's in my report card. After a while, she would be surprised when I didn't receive an A.

Mẹ tôi nói tôi lúc nào cũng thông minh. Khi còn bé, mẹ rất ngạc nhiên khi thấy điểm A trong phiếu điểm của mình. Một thời gian ngắn sau, bà ngạc nhiên khi tôi không được điểm A.

Câu hỏi 39.

Why are you applying for a job that you didn't major in?

Tại sao anh/chị nộp đơn xin một công việc không đúng chuyên ngành của mình?

Why didn't you pursue a career in your major?

Tại sao anh/chị không theo đuổi một sự nghiệp theo chuyên ngành của mình?

(Các) cách trả lời.

I majored in English because I liked to write. Because I didn't know exactly what I wanted to do, I majored in something I was very interested in. After working for a year on the marketing team, I realized that this is what I want to be doing.

Tôi đã chọn chuyên ngành tiếng Anh vì tôi thích viết. Vì tôi đã không biết chính xác việc tôi muốn làm, nên tôi đã chọn chuyên ngành về cái gì mà tôi thích. Sau khi làm việc trong nhóm tiếp thị được khoảng một năm, tôi nhận ra đây là công việc mà tôi muốn tiếp tục làm.

I majored in History, but during my senior year, I had an opportunity to work at an accounting firm. After seeing first hand at the work they were doing, I really wanted to become an accountant.

Tôi đã chọn chuyên ngành lịch sử, nhưng trong thời gian học năm cuối tôi đã có một cơ hội làm việc cho một công ty kế toán. Sau khi trực tiếp thấy và trải nghiệm công việc mà họ đang làm, tôi thật sự muốn trở thành một kế toán.

I was planning on going to Dental School so I majored in Biology. After working with computers, I realized how interesting and challenging it was. So I studied computers on the side because I wanted a career in working with computers.

Tôi đã dự định học trường Nha, vì vậy tôi đã chọn chuyên ngành Sinh vật học. Sau khi làm việc về lĩnh vực máy vi tính, tôi nhận ra công việc này hết sức thú vị và đầy thách thức. Do đó tôi đã học thêm về máy vi tính vì tôi muốn có một sự nghiệp làm việc về máy tính.

Câu hỏi 40.

During college, how did you spend your summer vacations?

Trong thời gian học đại học, anh/chị đã trải qua các kỳ nghỉ hè như thế nào?

(Các) cách trả lời.

My last two summers of college, I did an intern for a consulting firm. I gained experience working on office solutions for large companies.

Trong hai kỳ nghỉ hè cuối cùng ở trường đại học, tôi là sinh viên thực tập ở một công ty tư vấn. Tôi đã có kinh nghiệm tư vấn về các giải pháp văn phòng cho các công ty lớn.

I have a strong interest in traveling, so I used my summer to travel. I went to Europe, Australia, Brazil, and China.

Tôi rất thích đi du lịch, vì vậy tôi đã đi du lịch trong các dịp hè. Tôi đã đi Châu Âu, Úc, Bra-xin, và Trung Quốc.

Every summer, I took extra English classes. I also took some drawing classes because it's one of my hobbies. So I spent my summers learning more things.

Mỗi mùa hè, tôi đều tham gia các khóa học tiếng Anh thêm. Tôi cũng tham gia các lớp vẽ vì đó là một trong các sở thích của tôi. Vậy đó, tôi học thêm các thứ vào những dịp nghỉ hè.

My first two summers, I had to work to save money for tuition. But after saving enough money, I had a free summer. I actually ended up taking some computer classes to prepare myself for the business world. These days it's a requirement to know computers, so I prepared for that.

Hai mùa hè đầu, tôi đã phải làm việc để dành tiền đóng học phí. Nhưng sau khi để dành đủ tiền học phí, tôi đã có một mùa hè không phải làm gì hết. Thật ra tôi đã học xong vài khóa về vi tính để sẵn sàng cho lĩnh vực kinh doanh. Ngày nay, đòi hỏi phải có kiến thức về vi tính, vì vậy tôi đã chuẩn bị điều đó.

Câu hỏi 41.

What did you learn from your internship?

Anh/Chị đã học được những gì trong lần thực tập?

(Các) cách trả lời.

In my final summer vacation, I had the opportunity to work as an intern for a public accounting firm. It was only 3 months, but I learned a lot about performing quarterly tax services for small and medium size companies. I also learned to deal with time pressure and learned how to prioritize work to be more efficient. It was a great experience that I know will help me when I start my career.

Trong kỳ nghỉ hè cuối cùng, tôi đã có cơ hội để làm việc như một thực tập cho một công ty kế toán công cộng. Chỉ trong vòng 3 tháng, nhưng tôi đã học được rất nhiều về thực hiện các dịch vụ thuế hàng quý cho các công ty cỡ vừa và nhỏ. Tôi cũng đã học được cách đối phó với áp lực thời gian và đã học cách làm thế nào để ưu tiên công việc được hiệu quả hơn. Đó là một kinh nghiệm tuyệt vời mà tôi biết sẽ giúp tôi khi tôi bắt đầu sự nghiệp của tôi.

Câu hỏi 42.

Did you do any internships?

Anh/Chị có đi thực tập không?

(Các) cách trả lời.

Yes. I did two internships. The first internship was for Johnson and Johnson. I worked in the distribution team, and my second internship was for Starbucks. At Starbucks, I had the opportunity to work on overseas venture.

Có. Tôi đã đi thực tập hai lần. Lần thực tập đầu cho công ty "Johnson and Johnson". Tôi đã làm việc trong nhóm phân phối và lần thực tập thứ hai ở Starbucks. Ở Starbucks, tôi đã có cơ hội làm việc ở nước ngoài.

I did one internship for IBM. I was on the development team creating applications for business solutions.

Tôi đã từng là một thực tập viên cho IBM. Tôi làm việc cho nhóm phát triển chuyên sáng tạo những ứng dụng các giải pháp thương mại.

I love to travel and I realized that when I start my career, I won't be able to travel for long durations. So I used my summers to travel a lot. I spent one summer in Europe for 2 months. I spent another summer traveling between China and some South East Asian countries, and finally, I took a road trip through the United States.

Tôi thích đi du lịch và tôi nhận ra là khi bắt đầu sự nghiệp, tôi sẽ không thể đi thực hiện được những chuyến đi nhiều ngày. Vì vậy tôi dùng các kỳ nghỉ hè để đi du lịch nhiều nơi. Tôi đã trải qua một kỳ hè ở Châu Âu khoảng hai tháng. Tôi đã trải qua một kỳ hè để đi du lịch giữa Trung quốc và vài nước Đông Nam Á, và cuối cùng, tôi đã thực hiện một chuyến đi xuyên Mỹ.

Câu hỏi 43.

If you could learn something such as a new skill, what would it be?

Nếu anh/chị có thể học một cái gì đó, chẳng hạn như một kỹ năng mới, thì đó sẽ là gì?

What's the next thing you want to learn?

Thứ kế tiếp anh/chị muốn học là gì?

(Các) cách trả lời.

I would love to learn more about auditing. As a tax accountant, I primarily work on tax. But I like all aspects of accounting and I think auditing would be very interesting.

Tôi rất thích tìm hiểu thêm về kiểm toán. Là một nhân viên kế toán thuế, tôi chủ yếu làm việc về thuế. Nhưng tôi thích tất cả các khía cạnh của kế toán và tôi nghĩ kiểm toán sẽ rất thú vị.

The next thing I want to learn is how to make web pages. I think this skill can be used anywhere. If I want a personal web site, I would make it myself. And if my group at work needed an internal web site to organize activities, I would be able to make one.

Điều tiếp theo tôi muốn tìm hiểu là làm thế nào để tạo ra các trang web. Tôi nghĩ rằng kỹ năng này có thể được sử dụng bất cứ nơi nào. Nếu tôi muốn có một trang web cá nhân, tôi sẽ tự làm. Và nếu nhóm của tôi tại nơi làm việc cần một trang web nội bộ để tổ chức các hoạt động, tôi sẽ có thể làm một trang.

I want to learn the different ways to market globally. In my marketing team, I learned everything about marketing on a local level, but I would really love to learn about marketing to different countries.

Tôi muốn tìm hiểu các cách khác nhau để tiếp thị toàn cầu. Trong đội ngũ tiếp thị của tôi, tôi đã học được tất cả mọi thứ về tiếp thị ở cấp địa phương, nhưng tôi thực sự rất thích tìm hiểu về tiếp thị tới các nước khác nhau.

Câu hỏi 44.

If you could start your career over again, what would you do differently?

Nếu anh/chị có thể bắt đầu sự nghiệp của mình lại lần nữa, anh/chị sẽ làm gì khác?

(Các) cách trả lời.

I started my career at a small company. I feel I would have benefited more if I started at a larger company. A large company usually provides training that I didn't receive, so I would like to have started my career in a larger company.

Tôi bắt đầu sự nghiệp của mình tại một công ty nhỏ. Tôi cảm thấy ắt hẳn tôi sẽ được hưởng lợi nhiều hơn nếu tôi bắt đầu tại một công ty lớn hơn. Một công ty lớn thường cung cấp đào tạo mà tôi đã không nhận được, vì vậy tôi muốn đã bắt đầu sự nghiệp của mình ở một công ty lớn hơn.

I didn't know how much I liked working with computers until I finished college. If I had known earlier, I would have liked to have worked with computers earlier in my career.

Tôi đã không biết tôi rất thích làm việc với máy tính cho đến khi tôi học xong đại học. Nếu tôi biết sớm hơn, chắc hẳn là tôi đã thích làm việc với máy tính sớm hơn trong sự nghiệp của tôi.

Câu hỏi 45.

During your performance reviews, what criticism do you hear the most?

Trong các đánh giá hiệu suất của anh/chị, anh/chị nghe những lời bình phẩm gì nhiều nhất?

(Các) cách trả lời.

I heard that I need to be proactive. I always perform at an exceptional level, but I didn't volunteer for additional work. I wasn't accustomed to it so I'm glad that I received this criticism. I now practice keeping an eye out for additional projects I can take on.

Tôi nghe nói rằng tôi cần phải chủ động. Tôi luôn làm việc ở một đẳng cấp vượt trội, nhưng tôi đã không tình nguyện làm thêm. Tôi đã không quen việc đó vì vậy tôi rất vui vì nhận được lời bình phẩm này. Bây giờ tôi đang tập tìm kiếm các dự án phụ mà tôi có thể đảm nhận.

During my review, my manager told me to voice my opinions more frequently. He always liked my suggestions when I told him, but in group meetings, I usually let my manager speak. Now, I feel more confident that I can suggest my ideas in groups.

Trong mục đánh giá của tôi, người quản lý của tôi nói với tôi hãy nói lên ý kiến của mình thường xuyên hơn. Ông luôn thích những đề xuất mà tôi nói với ông, nhưng trong các cuộc họp nhóm, tôi thường để cho người quản lý của tôi nói. Bây giờ, tôi cảm thấy tự tin hơn rằng tôi có thể đề xuất những ý tưởng của mình trong nhóm.

My manager told me that I should send more updates. He told me I did my projects well, and that I was never late, but he would like more updates so he can report to his manager.

Quản lý của tôi nói với tôi rằng tôi nên gửi thêm các thông tin cập nhật. Ông nói với tôi, tôi đã làm tốt các dự án, và rằng tôi chưa bao giờ muộn, nhưng ông muốn biết thêm thông tin cập nhật để ông có thể báo cáo với sếp của ông.

Câu hỏi 46.

Tell me about your last three positions?

Cho tôi biết về ba vị trí cuối cùng của anh/chị?

(Các) cách trả lời.

I've only had one position. In my last position, I worked as a marketing analyst for South American markets. I worked closely with partners in Chile and Argentina.

Tôi chỉ có một vị trí. Ở vị trí cuối cùng của mình, tôi đã làm việc như một chuyên gia phân tích thị trường cho các thị trường Nam Mỹ. Tôi đã làm việc chặt chẽ với các đối tác ở Chile và Ác-hen-ti-na.

I've only held two different positions. In my first job, I was a lab manager for ABC Software Company. I monitored 50 computers and performed diagnostics regularly. In my last position, I was a network engineer fixing network problems and trouble shooting bottlenecks.

Tôi đã ở hai vị trí khác nhau. Trong công việc đầu tiên, tôi là một người quản lý phòng thí nghiệm cho Công ty Phần mềm ABC. Tôi theo dõi 50 máy tính và thường xuyên thực hiện chẩn đoán. Ở vị trí cuối cùng, tôi là một kỹ sư mạng chuyên sửa chữa các vấn đề về mạng lưới và xử lý sự cố tắc nghẽn.

I worked as a translator for the King County court house. Afterwards, I worked as a translator for hospitals. My last position was translate help documents for a software company.

Tôi làm việc như một phiên dịch cho tòa án quận King. Sau đó, tôi làm việc như một phiên dịch cho các bệnh viện. Vị trí cuối cùng của tôi là dịch các tài liệu trợ giúp cho một công ty phần mềm.

Câu hỏi 47.

Tell me about your last position? What did you do and how did you do it? Include the people you worked for and the people you worked with.

Cho tôi biết về vị trí cuối cùng của anh/chị? Anh/Chị đã làm gì và làm điều đó như thế nào? Gồm những người anh/chị đã làm việc cho họ và cả những người mà anh/chị đã làm việc chung với họ.

(Các) cách trả lời.

I was a staff auditor for a small accounting firm. I performed audits for small to medium size businesses. This involved meeting the clients and retrieving data required to complete the audit. I worked closely with my supervisor that presented my findings of the audit to the clients.

Tôi là một nhân viên kiểm toán viên cho một công ty kế toán nhỏ. Tôi đã làm kiểm toán cho các doanh nghiệp quy mô vừa. Việc này đòi hỏi phải gặp các khách hàng và lấy các dữ liệu được yêu cầu để hoàn thành việc kiểm toán. Tôi đã làm việc chặt chẽ với giám sát viên của mình, người trình bày những tài liệu tìm thấy về kiểm toán của tôi cho các khách hàng.

I worked for a large insurance company as an agent. I made sales to new customers and provided customer service to existing customers. I worked with three other people in my group and we helped each other by sharing ideas and experiences.

Tôi làm việc cho một công ty bảo hiểm lớn như một đại lý. Tôi bán hàng cho các khách hàng mới và cung cấp dịch vụ khách hàng cho các khách hàng hiện tại. Tôi đã làm việc với ba người khác trong nhóm và chúng tôi giúp đỡ nhau bằng cách chia sẻ những ý tưởng và sự trải nghiệm.

I was a program manager for a manufacturing company. I was in charge of cost analysis concerning different quantities of manufacturing. I also worked on planning the procedure for the next deliverables.

Tôi là một người quản lý chương trình cho một công ty sản xuất. Tôi phụ trách phân tích chi phí liên quan đến các số lượng khác nhau của sản xuất. Tôi cũng đã làm việc về quy hoạch thủ tục cho các phân phối tiếp theo.

Câu hỏi 48.

What is your management philosophy?

Phương châm quản lý của bạn là gì?

(Các) cách trả lời.

I think management should provide guidance, direction, leadership, and finally set an example to subordinates.

Tôi nghĩ người quản lý nên có khả năng đưa ra sự hướng dẫn, định hướng, có tinh thần lãnh đạo, và cuối cùng là phải là tấm gương cho cấp dưới noi theo.

My management philosophy is to provide an environment that leads to productive employees. I achieve this through conflict management, keeping the morale high, providing encouragement to low performers, and also rewarding the strong performers.

Phương châm quản lý của tôi là tạo ra một môi trường mà trong đó nhân viên làm việc đạt hiệu suất cao. Tôi sẽ làm được điều này nhờ vào việc xử lý các mâu thuẫn về quản lý, giữ các nguyên tắc đạo đức ở mức cao, khuyến khích các nhân viên làm yếu và khen thưởng nhân viên có biểu hiện tốt trong công việc.

I believe in setting an example. My favorite managers in the past were the ones that worked smart and efficient. I learned a great deal and found that leading by example is a strong way to influence directs to work diligently.

Tôi tin vào việc nêu gương. Những vị giám đốc yêu thích nhất của tôi trong quá khứ là những người làm việc thông minh và hiệu quả. Tôi đã học được rất nhiều và nhận ra rằng, việc nêu gương là cách làm có sức ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến việc làm việc siêng năng.

Câu hỏi 49.

What was your favorite job?

Công việc mà anh/chị yêu thích nhất là gì?

(Các) cách trả lời.

My favorite job was working as a financial analyst. I wanted to pursue other areas of finance so I accepted a position as a financial consultant. After a while, I realized how much I enjoyed my work as a financial analyst so I look for a financial analyst position.

Công việc mà tôi yêu thích là làm việc như một người phân tích tài chính. Tôi đã từng thích theo đuổi các lĩnh vực khác nhau về tài chính nên tôi đã chấp nhận vị trí như một nhà cố vấn tài chính. Sau một thời gian tôi nhận ra mình thích công việc này đến nhường nào, nên tôi tìm kiếm một vị trí làm việc trong vai trò là một nhà phân tích tài chính

The last position I held was my favorite job. I really enjoy all aspects of accounting and auditing. However, I don't want to limit myself to just governmental accounting so I want a position where I can be doing similar type of work in a larger setting.

Công việc cuối cùng tôi làm chính là công việc yêu thích của tôi. Tôi thật sự rất thích mọi khía cạnh của việc kế toán và kiểm toán. Tuy nhiên, tôi không muốn giới hạn bản thân với việc kế toán cho cơ quan nhà nước nên tôi muốn một vị trí mà tôi có thể làm công việc tương tự trong một tổ chức lớn hơn.

My favorite job was the last position I held in the marketing department. That's why I'm applying for this job. It's similar to my last position and I really enjoyed it. Even though I really like my job, I want to experience the same work for a larger company. That's the primary reason for wanting to leave my current job.

Công việc yêu thích nhất mà tôi từng làm là vị trí cuối cùng tôi làm trong bộ phận marketing (tiếp thị). Đó là lý do vì sao tôi nộp đơn ứng tuyển vào vị trí này. Nó có nhiều điểm tương đồng với vị trí trước đây tôi từng làm nên tôi thật sự thích nó. Dù tôi rất thích công việc của mình, tôi muốn trải nghiệm một công việc tương tự cho công ty lớn hơn. Đó là lý do chính để tôi muốn rời khỏi công việc hiện tại.

Câu hỏi 50.

Tell me about the best manager you ever had.

Nói cho tôi nghe về vị giám đốc tốt nhất anh/chị đã từng làm việc.

(Các) cách trả lời.

My favorite manager was a person with a lot of knowledge. She stood her ground firmly and knew the best process to take by analyzing all the information.

Giám đốc yêu thích nhất của tôi là một người có rất nhiều kiến thức. Cô ấy có một nền tảng kiến thức vững chắc và biết quy trình tốt nhất để phân tích tất cả mọi thông tin.

My favorite manager was very trusting and easy to approach. I grew in many ways under this manager and I valued his method of dealing with directs. I believe in growing employees and this manager did a great job.

Giám đốc mà tôi thích nhất là người rất đáng tin và dễ dàng chia sẻ. Tôi đã được phát triển theo nhiều hướng dưới sự chỉ dẫn của ông và tôi đánh giá cao cách ông giải quyết vấn đề với

những người bên dưới. Tôi tin tưởng vào việc giúp nhân viên phát triển và ông ấy đã làm việc này rất tốt.

I had a manager that worked efficiently. Instead of bossing everyone around, he set an example of hard work through his actions. I respected that trait and learned to be more like him by working smarter.

Tôi từng làm việc cùng một người giám đốc làm việc rất hiệu quả. Thay vì ra vẻ ta đây với mọi người, ông thật sự là tấm gương để mọi người noi theo trong việc làm việc chăm chỉ. Tôi rất coi trọng tính cách này và đã học tập theo ông ấy thông qua việc làm việc một cách thông minh hơn.

Câu hỏi 51.

Tell me about the worst manager you ever had.

Nói cho tôi nghe về vị giám đốc tệ nhất anh/chị đã từng làm việc.

(Các) cách trả lời.

In my last position, I had a manager who didn't like to give instructions. I managed to figure a lot of it out, but I would have saved a lot of time if my manager gave simple 5 minute overview of the project.

Ở vị trí trước đây, tôi làm việc với một giám đốc không hề thích đưa ra sự chỉ dẫn. Tôi vẫn tự xoay sở được phần lớn nhưng tôi đã có thể tiết kiệm nhiều thời gian nếu giám đốc nói cho tôi nghe một cách đơn giản cái nhìn tổng thể của ông về dự án.

I had one manager that was very disorganized. Whenever I ask a question, he would look around his desk for a couple minutes looking for information to give to me. I like to be organized so this trait really bothered me.

Tôi (đã) làm việc với một giám đốc không có tổ chức. Bất kỳ lúc nào tôi đặt câu hỏi với ông ta, ông ta đều phải nhìn khắp mặt bàn trong vài phút để tìm kiếm thông tin trả lời. Tôi thích mọi thứ có tổ chức nên điểm này thật sự gây phiền hà cho tôi.

One manager didn't like talking to people. He always had his office door closed and whenever anyone asked a question, he seemed disturbed. He was very intelligent and produced a great deal of work, but as a manager, I believe you should be approachable by your directs.

Một người giám đốc không thích trò chuyện cùng mọi người. Ông ấy luôn đóng kín cửa văn phòng của mình và mỗi khi có ai hỏi gì đó thì ông dửng dưng như rất khó chịu. Ông ấy thông minh và có thể làm việc đạt khối lượng rất lớn nhưng với tư cách một giám đốc, tôi tin là ông ấy nên là người mà các cấp dưới trực tiếp dễ dàng tiếp cận.

Câu hỏi 52.

What could you have done to improve your relationship with a manager you didn't like?

Anh/Chị đã có thể làm gì để cải thiện mối quan hệ với người giám đốc mà anh/chị không thích?

(Các) cách trả lời.

If I communicated my problems earlier, I feel we both would have benefited. I waited several months before approaching my manager, and after our talk, our relationship got much better. So I could have improved my relationship by talking about problems sooner than later.

Nếu tôi nói về những vấn đề của mình sớm hơn, thì tôi cảm thấy cả hai chúng tôi sẽ cùng có lợi. Tôi đã đợi hàng tháng trời trước khi nói chuyện với giám đốc, và sau buổi trò chuyện, mối quan hệ của chúng tôi đã tốt hơn rất nhiều. Vì vậy, tôi có thể đã cải thiện được mối quan hệ bằng cách nói về những vấn đề sớm thay vì muộn.

I feel I should be more understanding of different work styles. I didn't like my manager not communicating enough, but that didn't mean we couldn't approach him. So I'm learning to work seamlessly with different types of people.

Tôi cảm thấy tôi nên có cái nhìn sâu hơn về những phong cách làm việc khác nhau. Tôi không thích giám đốc của mình không giao tiếp đủ nhiều, nhưng không có nghĩa là chúng tôi không thể tiếp cận với ông ấy. Vậy nên, tôi đang học cách làm việc uyển chuyển với nhiều nhóm người khác nhau.

One of my managers gave too much criticism. I value criticism, but hearing something negative every other day was difficult. I think I could have communicated how the criticism affected me in order to improve our relationship.

Một trong những giám đốc của tôi rất hay đưa ra những lời chỉ trích. Tôi coi trọng sự phê bình nhưng phải nghe điều gì đó không hay ngày này qua ngày khác thật sự là rất khó. Tôi nghĩ, tôi có thể nói về chuyện sự phê bình này ảnh hưởng đến tôi thế nào để có thể cải thiện mối quan hệ giữa chúng tôi.

Câu hỏi 52.

What were the most memorable accomplishments in your last position or in your last career?

Các thành tích đáng nhớ nhất ở vị trí cuối cùng của anh/chị hoặc trong sự nghiệp cuối cùng của anh/chị là gì?

(Các) cách trả lời.

I remember the day I completed an audit from beginning to end all by myself. Since I was an entry level auditor, this accomplishment really felt good because it was my first major step.

Tôi nhớ ngày tôi hoàn thành một cuộc kiểm toán từ đầu đến cuối bằng tất cả sự nỗ lực của mình. Kể từ khi tôi là một kiểm toán viên cấp thấp nhất, thành tựu này thực sự làm cho tôi cảm thấy tuyệt vời vì đó là bước quan trọng đầu tiên của tôi.

One day our director came out of his office asking who wrote up the documentation for ABC firm. I didn't know if he was upset or impressed. I said I did and he basically said, great job and went back to his office. This was memorable because the director never did this before.

Một ngày họ giám đốc của chúng tôi ra khỏi văn phòng của ông, hỏi ai là người đã viết tài liệu cho công ty ABC. Tôi không biết là ông ấy đang cảm thấy khó chịu hay là đang lấy làm cảm kích. Tôi nói rằng tôi viết và về cơ bản ông nói, tôi đã làm rất tốt rồi trở lại văn phòng của mình. Điều này rất đáng nhớ vì trước kia vị giám đốc này chưa bao giờ làm như vậy.

The most memorable accomplishment I had as a sales associate for a software company was closing a deal worth \$17 million. This was the second largest order our company ever had and it felt like hitting a grand slam.

Thành tựu đáng nhớ nhất là tôi đã làm cộng tác viên bán hàng cho một công ty phần mềm, đã bán được một hợp đồng trị giá gần 17 triệu đô la. Đây là lần đặt hàng lớn thứ hai mà công ty chúng tôi từng có và nó làm cho tôi cảm thấy như đã thắng một cú rất đậm.

Câu hỏi 53.

Why do you want to leave your current job?

Vì sao anh/chị lại muốn bỏ công việc hiện tại?

(Các) cách trả lời.

I want to find a company with more opportunities. My previous company was very small and didn't have opportunities for growth. After learning about the work environment here, I felt this is exactly the type of place I want to work.

Tôi muốn tìm một công ty có nhiều cơ hội hơn. Công ty trước của tôi rất nhỏ và không có nhiều cơ hội để phát triển. Sau khi tìm hiểu về môi trường làm việc ở đây, tôi cảm thấy đây chính là nơi mà tôi muốn làm việc.

My current company is very large and it's difficult to do different tasks. We have routine work that never changes. I want to work in an environment where I can utilize more of my skills.

Công ty hiện tại của tôi rất lớn và rất khó để có thể làm nhiều công việc khác nhau. Chúng tôi có các công việc thường ngày và không bao giờ thay đổi. Tôi muốn làm việc trong một môi trường mà tôi có thể tận dụng tối đa mọi khả năng của mình.

Our family moved to live near a better school district for our children. This area is great and I want to find a job closer to my new home. My previous job was too far away to commute.

Gia đình chúng tôi chuyển đến gần một trường học quận để bọn trẻ có thể học tốt hơn. Khu vực này rất tuyệt và tôi muốn tìm một công việc gần với nhà mới của chúng tôi. Công việc trước đây ở quá xa nơi chúng ta đang sống.

Câu hỏi 54.

Where did you tell your boss you were going?

Anh/chị nói với sếp của mình rằng anh/chị đi đâu?

Where does your boss think you are?

Sếp của anh/chị nghĩ anh/chị đang đi đâu?

(Các) cách trả lời.

I wasn't required to tell my boss because I used one of my vacation days to be here. I'm really excited to have this interview opportunity and using a vacation day was very well worth it.

Tôi không cần phải báo với sếp vì tôi dùng ngày nghỉ phép của mình để có mặt ở đây. Tôi thật sự rất hứng khởi khi có cơ hội nhận cuộc phỏng vấn này và dùng ngày nghỉ của mình là hoàn toàn xứng đáng.

Câu hỏi 55.

Are you currently employed at the last place listed on your resume?

Có phải anh/chị đang làm công việc được liệt kê ở vị trí cuối cùng trong sơ yếu lý lịch của anh/chị?

(Các) cách trả lời.

No, I'm not currently employed.

Không ạ, hiện tại tôi đang không có việc làm.

Câu hỏi 56.

What is the title of the person you report to? What responsibilities does he or she have?

Chức vụ của người mà anh/chị phải báo cáo trực tiếp là gì? Họ chịu trách nhiệm gì?

(Các) cách trả lời.

He was a sales manager. His duties included scheduling, customer support, and managing a group of 15 sales associates.

Ông ấy là giám đốc bán hàng. Trách nhiệm của ông ấy là sắp xếp lịch, hỗ trợ khách hàng và quản lý một nhóm 15 nhân viên bán hàng.

My manager had a supervisor title. He was in charge of distributing work to staff auditors, reviewing final audits, scheduling business trips, and he also performed audits as well.

Giám đốc của tôi có chức danh là Giám sát viên. Ông ấy chịu trách nhiệm trong việc giao việc cho các nhân viên kiểm toán, xem lại kết quả kiểm toán cuối cùng, lên lịch các chuyến công tác, và ông ấy cũng làm về kiểm toán.

My manager had the title Test Manager. She was in charge of delivering high quality features for each software application. She planned each project giving a timeline of completion, worked with management from different groups to make sure quality is assured, and provided direction to our team of 20 testers.

Giám đốc của tôi có chức danh là Giám đốc kiểm tra. Bà ấy chịu trách nhiệm mang đến các tính năng có chất lượng cao nhất cho mỗi phần mềm ứng dụng. Bà ấy lên kế hoạch cho mỗi dự án, đưa ra khung thời gian hoàn thành công việc, làm việc với các quản lý từ nhiều nhóm khác nhau và cảm kết rằng chất lượng phải được đảm bảo, và bà ấy cũng điều hành nhóm 20 nhân viên kiểm tra của chúng tôi.

Câu hỏi 57.

In your previous position, how much time did you spend on the phone or in meetings or working by yourself or in a team?

Trong vị trí trước đây, anh/chị dành bao nhiêu thời gian để nói chuyện điện thoại, họp hành, tự mình làm việc hay làm việc nhóm?

(Các) cách trả lời.

In my last position, we had large projects that involved multiple people. We had meetings to discuss the project and worked in teams whenever it involved overlap of feature. After the meetings and working with the team, I was required to finish my work by myself. So it was quite balanced between meetings, team work and working by myself.

Trong vị trí trước đây, chúng tôi có những dự án lớn liên quan đến rất nhiều người. Chúng tôi có những buổi họp để thảo luận về dự án và làm việc nhóm bất kỳ khi nào một tính năng cần phải được hoàn thành do 2 người/bộ phận. Sau các buổi họp và làm việc nhóm, tôi được yêu cầu tự mình hoàn thành công việc. Vậy nên với tôi, khá cân bằng về thời gian giữa họp hành, làm việc nhóm và làm việc cá nhân.

Câu hỏi 58.

If you don't leave your current job, what do you imagine you will be doing in several years?

Nếu anh/chị không rời bỏ công việc hiện tại của anh/chị, anh/chị hãy tưởng tượng anh/chị sẽ làm gì trong vài năm tới?

(Các) cách trả lời.

I'm confident I'll be in a management position several years from now. In my current position, junior employees ask me many questions and I like to mentor people. My work is very routine and I'm very efficient. I want to find more challenges my work currently doesn't offer.

Tôi tin rằng tôi sẽ được ở một vị trí quản lý trong vài năm nữa kể từ bây giờ. Ở vị trí hiện tại của tôi, các nhân viên cấp dưới hỏi tôi nhiều câu hỏi và tôi thích cố vấn cho mọi người. Công việc của tôi rất đều đặn và tôi làm rất hiệu quả. Tôi muốn tìm thêm những thử thách mà công việc hiện tại của tôi không có.

To tell you the truth, I feel I'll be doing the same thing I'm doing now. I always look for more work and different opportunities, but my current company doesn't have many opportunities for advancement.

Nói thật với anh là tôi cảm thấy tôi sẽ làm công việc giống như công việc tôi đang làm bây giờ. Tôi luôn luôn tìm kiếm thêm việc làm và những cơ hội khác, nhưng công ty hiện tại của tôi không có nhiều cơ hội tiến bộ.

I'm a very proactive person and I'll continue to do my job well. I'll always look for opportunities and even create places where I can improve my work. So hopefully, in several years, I'll be managing people that are in my current position now.

Tôi là một người rất chủ động và tôi sẽ tiếp tục làm tốt công việc của tôi. Tôi sẽ luôn luôn tìm kiếm cơ hội và thậm chí tạo ra những nơi mà tôi có thể cải thiện công việc của tôi. Vì vậy, hy vọng trong vài năm nữa, tôi sẽ đang quản lý những người đang ở vị trí hiện tại của tôi bây giờ.

Câu hỏi 59.

If you're very happy with your current job, why do you want to leave?

Nếu anh/chị đang rất hài lòng với công việc hiện tại của anh/chị, tại sao anh/chị muốn ra đi?

(Các) cách trả lời.

I like the work I'm doing and I like everyone on my team, but I have a strong desire to learn other aspects I can't learn in my current position.

Tôi thích công việc tôi đang làm và tôi thích mọi người trong nhóm của tôi, nhưng tôi có một mong muốn mãnh liệt là được hiểu biết các khía cạnh khác mà tôi không thể học ở vị trí hiện tại.

I have been in my current position for four years and I want to gain experiences in other areas. I love my job, but I want to grow more as a professional.

Tôi ở vị trí hiện tại được bốn năm và tôi muốn có được những trải nghiệm trong các lĩnh vực khác. Tôi thích công việc của tôi, nhưng tôi muốn phát triển hơn, như là một chuyên nghiệp.

I love to learn new things and after several years in my current position, I realized I was doing the same thing over and over again most of the time. So the only reason I want to leave my current job is to broaden my knowledge by gaining other experiences.

Tôi thích học hỏi những điều mới và sau nhiều năm ở vị trí hiện tại của tôi, tôi nhận ra là hầu hết thời gian tôi đều làm cùng một công việc hết lần này đến lần khác. Vì vậy, lý do duy nhất tôi muốn rời bỏ công việc hiện tại là để mở rộng kiến thức của tôi bằng cách có được những trải nghiệm khác.

Câu hỏi 60.

If you have problems or complaints with your current job, why haven't you brought it to their attention?

Nếu anh/chị có vấn đề hoặc khiếu nại với công việc hiện tại của anh/chị, tại sao anh/chị không nói với họ?

(Các) cách trả lời.

I actually told my manager several times. I told him about my desire to learn new things and take on new challenges, but there aren't many opportunities in my current group.

Thực ra tôi đã nói với người quản lý tôi vài lần. Tôi nói với anh ấy về mong muốn được học những điều mới và nhận những thử thách mới, nhưng không có nhiều cơ hội trong nhóm hiện tại của tôi.

I believe in being straightforward, and I told my manager on numerous occasions that I was interested in taking on more responsibilities. However, my current group doesn't have the opportunities I'm looking for.

Tôi tin vào sự thẳng thắn, và tôi nói với người quản lý của tôi rất nhiều lần rằng tôi thích đảm nhận nhiều trọng trách hơn. Tuy nhiên, nhóm hiện tại của tôi không có những cơ hội mà tôi đang tìm kiếm.

After working the night shift for a couple of years, I wanted normal working hours. I told my manager about this, but there was no positions available for regular hour shifts.

Sau khi làm việc ca đêm cho một vài năm, tôi muốn làm việc theo giờ hành chính/bình thường. Tôi đã nói với người quản lý của tôi về việc này, nhưng không có vị trí làm việc theo ca giờ bình thường.

Câu hỏi 61.

Give me a specific example at your last position where you increased revenue.

Hãy cho tôi một ví dụ cụ thể ở vị trí cuối cùng của anh/chị, nơi mà anh/chị đã tăng thu nhập.

Give me a specific example at your last position where you made things more efficient.

Hãy cho tôi một ví dụ cụ thể ở vị trí cuối cùng của anh/chị, nơi anh/chị đã làm cho mọi việc hiệu quả hơn.

(Các) cách trả lời.

As a sales associate, I do my part in increasing revenue by making more sales. Even if I'm having a good month, I continue to work hard to make sure our company is continually increasing its revenue.

Là một cộng tác viên bán hàng, tôi làm phần việc tăng thu nhập bằng cách tạo thêm doanh số bán hàng. Dù tôi đang có một tháng tốt đẹp, tôi vẫn tiếp tục làm việc chăm chỉ để đảm bảo rằng công ty chúng tôi đang tiếp tục tăng thu nhập.

It's something small, but in our office, everyone left there monitors and lights on. I simply put up signs to turn off their monitors and to turn off office lights. This really helped and our VP even told me he appreciated the small effort.

Đó là một chuyện nhỏ thôi, chỉ là trong văn phòng của chúng tôi, mọi người ra về vẫn để màn hình và đèn mở. Tôi chỉ dán các bản báo nhỏ tắt màn hình của họ và tắt đèn văn phòng. Việc này thực sự đã có ích và VP của chúng tôi thậm chí còn nói với tôi rằng ông đánh giá cao nỗ lực nhỏ này.

We provide many different brochures for our clients, and when we get low on a specific brochure, we have to order each one separate. I created a small tool that automates this process and saved about 30 minutes of work each time we ordered brochures. It was something small, but my manager appreciated it.

Chúng tôi cung ứng nhiều tập quảng cáo nhỏ khác nhau cho khách hàng của chúng tôi, và khi mỗi loại tập quảng cáo chỉ còn lại số lượng ít, chúng ta phải đặt mỗi loại riêng biệt. Tôi tạo ra một công cụ nhỏ cho tự động hóa quá trình này và tiết kiệm được khoảng 30 phút làm việc mỗi lần chúng tôi đặt các tập quảng cáo. Đó chỉ là một việc làm nhỏ, nhưng quản lý của tôi đã đánh giá cao nó.

Câu hỏi 62.

What do you feel an employer owes an employee?

Anh/Chị cảm thấy một người chủ nợ nhân viên cái gì?

(Các) cách trả lời.

I believe an employer should provide a good work environment and opportunities for growth in return for hard work.

Tôi cảm thấy người chủ nên cung cấp một môi trường làm việc tốt và nhiều cơ hội phát triển để đổi lại sự làm việc chăm chỉ của nhân viên.

I believe an employer should respect their employees and treat them fairly. I plan on working hard and so I should be recognized for my contributions.

Tôi tin rằng người chủ nên tôn trọng nhân viên của mình và đối xử với họ công bằng. Tôi dự định làm việc chăm chỉ nên tôi mong sự đóng góp của mình được công nhận.

I believe an employer should provide an environment where everyone can succeed. I also believe that opportunities for growth and advancement should be provided by the employer.

Tôi tin rằng người chủ nên cung cấp một môi trường mà tại đó mọi người đều có thể thành công. Tôi cũng tin rằng các cơ hội phát triển và thăng tiến cũng là điều mà người chủ nên mang lại cho nhân viên.

Câu hỏi 63.

What do you expect from your manager?

Anh/chị mong đợi gì từ giám đốc của mình?

(Các) cách trả lời.

The most important thing I want from my manager is constructive feedback so I know where I need to improve. I want to continually grow and having a good manager will help me achieve my goal.

Điều quan trọng nhất mà tôi muốn từ giám đốc của mình là những phản hồi mang tính xây dựng để tôi biết mình cần phải cải thiện điều gì. Tôi muốn mình liên tục phát triển và có một giám đốc tốt giúp tôi đạt được mục tiêu của mình.

I expect my manager to provide work that is relevant to both the company and my growth. My manager should know my strengths and also help me work on my weaknesses.

Tôi mong đợi giám đốc của mình giao việc liên quan đến sự phát triển của công ty và bản thân tôi. Giám đốc nên biết những điểm mạnh của tôi và đồng thời giúp tôi cải thiện những điểm yếu của mình.

I expect my manager to be a smart person who works hard. If my manager is setting a positive example, I believe I'll be more encouraged to work harder. Having a manager that bosses people around without doing any work is very discouraging. So I expect my manager to lead by example.

Tôi mong giám đốc là một người thông minh và làm việc chăm chỉ. Nếu giám đốc của tôi là một tấm gương tốt, tôi tin rằng mình cũng sẽ có động lực để làm việc chăm chỉ hơn. Có một giám đốc chỉ biết thúc ép mọi người mà không chịu động tay vào việc gì thì thật sự làm tôi mất đi ý chí. Vì vậy tôi mong giám đốc của mình có thể nêu gương.

Câu hỏi 64.

Would you like to have your boss's job?

Anh/chị có muốn làm công việc của sếp mình không?

(Các) cách trả lời.

When I gain a little bit more experience, I'll be looking to find a position that is similar to my manager's job. But for now, I want to continue to learn as an employee while helping the company grow.

Khi tôi có nhiều kinh nghiệm hơn một chút, tôi sẽ tìm kiếm vị trí có công việc tương tự như giám đốc của mình. Nhưng hiện giờ tôi muốn tiếp tục học hỏi ở vai trò là một nhân viên trong khi giúp công ty phát triển.

I'm always learning new things and in time, I would like to have my boss's position. I believe I'm on track to become a manager and I'll continue to work hard to prove my abilities to the company.

Tôi luôn học hỏi điều mới và theo thời gian tôi muốn có được vị trí của sếp mình. Tôi tin rằng mình đang đi đúng hướng để trở thành một giám đốc và tôi sẽ tiếp tục làm việc chăm chỉ để chứng tỏ khả năng của bản thân đối với công ty.

Yes. I have several years of experience and I also took on projects to learn more about management. I don't necessarily want to replace my manager, but I would like to learn more about management so I can be ready when a position is available.

Có. Tôi có nhiều năm kinh nghiệm và tôi cũng đã nhận nhiều dự án để học hỏi thêm về việc quản lý. Không nhất thiết phải thay vị trí của giám đốc, nhưng tôi muốn học hỏi nhiều hơn về việc quản lý để tôi có thể sẵn sàng khi vị trí đó cần.

Câu hỏi 65.

What did you hear about us?

Anh/chị đã nghe những gì về công ty chúng tôi?

What do you know about us?

Anh/chị biết gì về công ty chúng tôi?

What do you think we do at this company?

Anh/chị nghĩ công ty chúng tôi đang làm gì?

(Các) cách trả lời.

I heard that ABC Company is the leader in copy machine distribution. ABC Company is a global company and finally, it's one of the best companies to work for.

Tôi nghe nói rằng Công ty ABC là nhà lãnh đạo trong phân phối máy sao chép. Công ty ABC là một công ty toàn cầu và cuối cùng, đó là một trong những công ty tốt nhất để làm việc.

I heard ABC Company has a great work environment and a place where strong contributors are rewarded. I want to work for a company with opportunities and I know ABC Company provides these things.

Tôi nghe nói Công ty ABC có một môi trường làm việc tuyệt vời và là nơi những người đóng góp sẽ được tưởng thưởng. Tôi muốn làm việc cho một công ty có nhiều cơ hội và tôi biết Công ty ABC đáp ứng những cơ hội này.

I read on your website that ABC Company provides accounting services to small and medium size corporations. I also know that ABC Company is the leader in tax services in this area. That's why I'm excited to have the opportunity to join this company.

Tôi đọc trên trang web của các anh rằng Công ty ABC cung cấp các dịch vụ kế toán cho các công ty quy mô vừa và nhỏ. Tôi cũng biết rằng Công ty ABC là đơn vị dẫn đầu trong các dịch vụ thuế trong khu vực này. Đó là lý do tại sao tôi rất vui khi có cơ hội để gia nhập công ty này.

Câu hỏi 66.

What do you know about our product?

Anh/chị biết gì về sản phẩm của chúng tôi?

Do you know what our team is making?

Anh/chị có biết đội chúng tôi đang làm gì không?

(Các) cách trả lời.

There isn't much information about your products yet, but I heard you are creating new technology to create a more secure database. I worked with databases most of my career and the thought of more security really interested me.

Không có nhiều thông tin về các sản phẩm của các anh, nhưng tôi nghe nói các anh đang tạo ra công nghệ mới để tạo ra một cơ sở dữ liệu an toàn hơn. Tôi đã làm việc với các cơ sở dữ liệu hầu như trong suốt sự nghiệp của tôi và ý nghĩ về sự bảo mật hơn thực sự hấp dẫn tôi.

I heard this company is creating a camera lens for deep sea photography. Because my major was in engineering and my hobby is photography, I believe this is the perfect position for me.

Tôi nghe nói công ty này đang tạo ra một ống kính máy ảnh để chụp ảnh ở vùng biển sâu. Bởi vì ngành chính của tôi là kỹ thuật và sở thích của tôi là chụp ảnh, tôi tin rằng đây là vị trí hoàn hảo cho tôi.

I hear this group has several functions. It has an incubation team that grows new ideas and if the product has potential a new product is formed. I also hear this group creates solutions for companies to entice them to buy more Microsoft products.

Tôi nghe thấy đội này có một số nhiệm vụ. Đội có một nhóm phát triển những ý tưởng mới và nếu sản phẩm này có tiềm năng thì một sản phẩm mới sẽ được hình thành. Tôi cũng nghe nói đội này cũng tạo ra các giải pháp cho các công ty để lôi kéo họ mua nhiều sản phẩm của Microsoft.

Câu hỏi 67.

Have you managed people in any of the positions you've held?

Anh/chị có từng quản lý người khác tại bất kỳ công việc nào anh/chị từng làm chưa?

(Các) cách trả lời.

Yes. I have one year experience in managing three people. I distributed work to each member of my team, provided assistance and guidance, and mentored each employee to be a better employee.

Rồi. Tôi có một năm kinh nghiệm quản lý 3 người. Tôi phân việc cho từng thành viên trong đội, trợ giúp và hướng dẫn và quan sát từng nhân viên để họ trở nên tốt hơn.

I have three years of experience managing people. I managed a team from 3 people to a group of 10. Most of my duties as a manager was to make sure our projects were on track and that each employee was completing their work.

Tôi có 3 năm kinh nghiệm trong việc quản lý người khác. Tôi quản lý một đội 3 người cho đến một nhóm 10 người. Đa phần nhiệm vụ của tôi với tư cách giám đốc là đảm bảo các dự án của chúng tôi đi đúng hướng và rằng mỗi nhân viên hoàn thành phần công việc của họ.

I've never managed people yet, but I have 2 years of experience mentoring new employees. I took several courses on management and I feel I'm ready to take the next step of managing people.

Tôi chưa bao giờ được quản lý mọi người, nhưng tôi có 2 năm kinh nghiệm tư vấn cho các nhân viên mới. Tôi đã tham gia vài khóa học về quản lý và tôi cảm thấy tôi đã sẵn sàng để thực hiện bước tiếp theo của những người quản lý.

I didn't hold a management position, but I was in charge of several projects where I had to manage a group of 4 workers to complete projects for a three month duration each. These projects gave me great experience in managing people.

Tôi đã không giữ chức vụ quản lý, nhưng tôi chịu trách nhiệm một số dự án ở nơi mà tôi đã phải quản lý một nhóm 4 công nhân để hoàn thành trong thời hạn ba tháng mỗi một dự án. Các dự án này đã cho tôi nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý con người.

Câu hỏi 68.

What types of people do you have trouble getting along with?

Anh/Chị khó hòa thuận với những loại người nào?

(Các) cách trả lời.

I get along with almost everybody, but I tend to get frustrated at people who always say yes and end up not delivering. I expect honesty and integrity, and saying yes should mean yes.

Tôi hòa thuận với gần như tất cả mọi người, nhưng tôi có khuynh hướng thất vọng ở những người luôn luôn nói "đồng ý" mà không phát biểu gì cả. Tôi mong đợi sự trung thực và liêm chính, và việc nói "đồng ý" nên có nghĩa là "đồng ý".

I'm very understanding of different people and different work styles, but I have a hard time with people who only do work that is seen by management. There's so much work that needs to be done and not everything is seen by the manager. So I get upset when work is neglected.

Tôi rất hiểu những người khác nhau và phong cách làm việc khác nhau, nhưng tôi khó chịu đối với những người chỉ làm những công việc được ban quản lý nhìn thấy. Có quá nhiều công việc cần phải được thực hiện và không phải mọi thứ đều được người quản lý nhìn thấy. Vì vậy, tôi cảm thấy buồn khi những công việc này bị bỏ bê.

Câu hỏi 69.

Who do you think are our two major competitors?

Anh/chị nghĩ ai là 2 đối thủ mạnh nhất của công ty chúng tôi?

(Các) cách trả lời.

The number one competitor to Verizon is Cingular. After they merged with AT&T, they became the largest cell phone provider with a 19% market control. The next competitor is Nextel. Although they only have 10% of the market, they are increasing in strength.

Đối thủ đầu tiên của Verizon là Cingular. Sau khi họ sát nhập với AT&T, họ trở thành nhà cung cấp điện thoại di động lớn nhất, nắm 19% thị phần. Đối thủ tiếp theo là Nextel. Dù họ chỉ nắm 10% thị phần, nhưng họ đang tăng trưởng mạnh.

The two competitors of Nokia are Motorola and Samsung. Motorola has a strong presence in the United States where Samsung is more global.

Hai đối thủ của Nokia là Motorola và Samsung. Motorola mạnh ở thị trường Mỹ trong khi Samsung phổ biến ở quy mô toàn cầu.

Microsoft is competing with many different companies because Microsoft provides many different types of software. MSN is growing and AOL is the number one competitor for this business, while the Microsoft OS is challenged by Linux because it's free.

Microsoft đang phải cạnh tranh với nhiều công ty khác nhau, vì Microsoft cung cấp nhiều loại phần mềm khác nhau. MSN đang tăng trưởng và AOL là số một trong những đối thủ cạnh tranh đối với ngành kinh doanh này, trong khi OS Microsoft đang bị Linux thách thức bởi vì nó miễn phí.

Câu hỏi 70.

Why do you like sales?

Tại sao anh/chị lại yêu thích việc bán hàng?

(Các) cách trả lời.

I like sales because I like talking with people and I'm good at making people feel comfortable.

Tôi thích bán hàng vì tôi thích nói chuyện với mọi người và tôi giỏi trong việc làm người khác cảm thấy thoải mái.

I enjoy sales because it requires strong communication skills and that's one of my strong traits. I like the challenge of making a sale and I feel good whenever I make a good sale.

Tôi thích bán hàng vì nó đòi hỏi các kỹ năng giao tiếp phải tốt và đó là một trong những điểm mạnh của tôi. Tôi thích sự thử thách của việc tạo ra doanh số và tôi cảm thấy bất kỳ khi nào tôi bán được nhiều hàng.

I like sales because it fits my personality. I enjoying working with all sorts of people and I like to provide great customer service by answering questions about products professionally.

Tôi thích bán hàng vì nó phù hợp với tính cách của tôi. Tôi thích làm việc với tất cả mọi nhóm người và tôi thích mang đến một dịch vụ chăm sóc khách hàng tuyệt vời bằng cách trả lời các câu hỏi về sản phẩm một cách chuyên nghiệp.

Câu hỏi 71.

Can you see that stapler? Convince me to buy it.

Anh/chị có thấy dập ghim này không? Hãy thuyết phục tôi mua nó!

(Các) cách trả lời.

This stapler is the newest model with easier to use features such as quick loading and safety protection. It also comes with a money back guarantee for any reason if you are not satisfied.

Dập ghim này là mẫu mới nhất dễ dàng sử dụng các tính năng hơn như lắp ghim nhanh và bảo vệ an toàn. Nó cũng đi kèm với một sự cam đoan sẽ trả lại tiền vì bất kỳ lý do nào mà anh/chị không hài lòng.

This stapler is on sale for 30% off. The manufacturer is a new company so their prices are great right now. They have a great warranty program and it will save your company a lot of money with the substantial discount.

Dập ghim này được bán giảm giá 30%. Nhà sản xuất là một công ty mới nên giá cả hiện tại rất tuyệt vời. Họ có một chương trình bảo hành ấn tượng và chương trình này sẽ tiết kiệm cho công ty của anh/chị rất nhiều tiền với giá giảm đáng kể.

This stapler has the best value. With a 15% lower sticker price, it provides identical functionality with the more expensive brands. It's durable and staples through more paper than the other brands.

Dập ghim này có giá trị tốt nhất. Với một mức giá 15% thấp hơn giá niêm yết, nó cung cấp đủ các chức năng giống hệt với thương hiệu đắt tiền hơn. Nó bền và các ghim dập xuyên qua giấy nhiều hơn so với các thương hiệu khác.

Câu hỏi 72.

How long have you been looking for a job?

Anh/chị đã tìm việc trong bao lâu rồi?

(Các) cách trả lời.

I sent out my resumes just last week. I'm very excited to join a company where I can help out.

Tôi vừa mới gửi đơn xin việc đi hồi tuần trước. Tôi rất phấn khởi với việc được tham gia vào một công ty nơi mà tôi có thể phụng sự.

I've been looking for about a month now. Because of the slow economy it's taking a little longer than I expected, but I'm confident that I can be a valuable asset to any company.

Tôi đã tìm việc được một tháng. Vì sự trì trệ kinh tế, nên việc tìm việc cũng kéo dài hơn tôi mong đợi nhưng tôi tự tin rằng mình có thể trở thành tài sản có giá trị cho bất kỳ công ty nào.

It's been about 2 months now. I wasn't as aggressive in the beginning because I was taking some classes, but now that I'm done with class, I'm really trying now.

Đã được 2 tháng rồi. Tôi không thật sự chú tâm trong giai đoạn đầu vì khi đó tôi còn đang tham gia vài lớp học, nhưng giờ khi tôi đã hoàn thành các lớp học, tôi thật sự đang rất cố gắng tìm việc lúc này.

Câu hỏi 73.

Why haven't you received any offers so far?

Sao anh/chị vẫn chưa nhận được lời mời làm việc nào?

What offers have you received so far?

Anh/chị đã nhận được những lời mời làm việc nào rồi cho tới thời điểm hiện tại?

(Các) cách trả lời.

I just started interviewing this past week, so it's a little too early to tell.

Tôi vừa mới bắt đầu đi phỏng vấn hồi tuần rồi, nên còn khá sớm để có thể nói đến chuyện này.

I recently started looking for a job, but I'm hoping that I'll receive offers soon.

Tôi vừa mới bắt đầu đi tìm việc, nhưng tôi mong rằng mình có thể nhận được một công việc sớm.

I received one offer from a smaller company, but I want to see what else is out there. I like what this company has to offer so I'm hoping everything turns out well today.

Tôi nhận được lời mời làm việc của một công ty nhỏ hơn, nhưng tôi muốn xem còn cơ hội nào nữa không. Tôi thích những gì mà quý công ty gợi mở nên tôi hy vọng kết quả ngày hôm nay sẽ tốt đẹp.

I've only interviewed with two other companies so far and I have a second interview with one of them. It's too early to tell if I'll be receiving any offers right now, but I'm confident that I will get a couple.

Tôi chỉ mới tham gia phỏng vấn với hai công ty khác và tôi đã nhận được một lời mời phỏng vấn lần hai. Còn quá sớm để nói về chuyện tôi có nhận được lời mời làm việc nào hay không, nhưng tôi tự tin rằng mình sẽ nhận được một vài cái.

Most of the jobs I have been applying for require more experience than I have. Also, because the job market is rough right now the competition has been pretty tough. But I plan on self studying continually and I know through my diligence that I will get a job soon.

Hầu hết mọi công việc tôi ứng tuyển đều yêu cầu kinh nghiệm nhiều hơn tôi có. Ngoài ra, vì thị trường nghề nghiệp hiện đang khó khăn nên cuộc cạnh tranh lại càng trở nên khắc nghiệt. Nhưng tôi dự định sẽ liên tục học hỏi và tôi biết rằng bằng việc siêng năng tôi sẽ sớm tìm được một công việc.

Câu hỏi 74.

If you don't understand your assignment and you can't reach your boss, what would you do?

Nếu anh/chị không hiểu về công việc của mình và bạn không liên lạc được với sếp của mình, anh/chị sẽ làm gì?

(Các) cách trả lời.

I would investigate the assignment deeper by searching for more information, asking coworkers or other managers and make the smartest decision on how to tackle the assignment.

Tôi sẽ nghiên cứu sâu hơn về công việc này bằng cách tìm hiểu thêm thông tin, hỏi đồng nghiệp, hoặc các giám đốc khác và đưa ra quyết định thông minh nhất trong việc làm sao xử lý công việc này.

There are many places I can look for clarity. I would look through some books, or the Internet, or my peers, or even other managers. If I try to look for answers, most of the time I can find them.

Có rất nhiều nơi tôi có thể tìm đến để tìm hiểu kỹ hơn. Tôi sẽ đọc sách, hoặc lên mạng, hoặc tìm đến đồng nghiệp hay thậm chí là các vị giám đốc khác. Nếu tôi muốn tìm ra câu trả lời, hầu như tôi sẽ tìm ra được chúng.

I would first see what the deadline is and if my manager will be back before the deadline. If not, I would leave a message on my manager's phone. Afterwards, I would ask my peers or other managers to see if they know the assignment. I believe investigating the assignment further will help me understand it.

Trước tiên tôi sẽ xem khi nào là hạn chót và liệu giám đốc có kịp về trước thời hạn này không. Nếu không, tôi sẽ để lại tin nhắn thoại cho giám đốc. Sau đó, tôi sẽ hỏi đồng nghiệp hoặc các vị giám đốc khác để xem có ai biết về công việc này không. Tôi tin là tìm hiểu sâu hơn về công việc sẽ giúp tôi hiểu được nó.

Câu hỏi 75.

If everyone on the team is a veteran, what will you do to fit in and be a beneficial team member instead of a person who appears to be in training?

Nếu mọi người trong đội đều là người có kinh nghiệm lâu năm, từng trải, anh/chị sẽ làm gì để bản thân có thể hòa hợp và trở thành thành viên có ích cho đội thay vì xuất hiện ở vai trò người học hỏi?

(Các) cách trả lời.

In this situation, I'll have to ramp up quickly and study notes from previous meetings before attending any. I'll also do a lot of studying to catch up so I can participate in discussions instead of appearing to be in training.

Trong tình huống này, tôi buộc phải thúc đẩy bản thân một cách nhanh chóng và nghiên cứu các ghi chú từ các buổi họp trước trước khi tham gia bất kỳ buổi họp nào. Tôi cũng sẽ học hỏi nhiều để có thể bắt kịp và tham gia thảo luận thay vì xuất hiện với tư cách là học hỏi.

In the beginning, I'll put a lot of effort in catching up on any existing projects I join. I believe studying a lot in the beginning to be aware of what's going on is very important.

Giai đoạn đầu, tôi sẽ nỗ lực thật nhiều để bắt kịp trong bất kỳ dự án nào tôi đang tham gia. Tôi tin rằng học hỏi thật nhiều ở giai đoạn đầu để nhận thức được mọi việc đang tiến hành thế nào là rất quan trọng.

I'll study as much as I can to fit into a group of veterans. I know I'll have many questions along the way, but listening carefully and putting pieces together will allow me to catch up quickly. I know I'll be able to be an effective team player in a short time by following this method.

Tôi sẽ học hỏi nhiều nhất có thể để có thể hòa hợp với các đồng nghiệp lâu năm. Tôi biết, tôi sẽ có rất nhiều câu hỏi trong quá trình này, nhưng việc chăm chú lắng nghe và kết hợp thông tin lại với nhau sẽ cho phép tôi bắt kịp nhanh chóng. Tôi biết mình có thể trở thành một đồng đội hiệu quả trong một thời gian ngắn bằng cách này.

Câu hỏi 76.

How do you intend to learn what you need to know to perform well for this job?

Bạn định sẽ học những điều bạn cần biết để có thể làm tốt công việc này bằng cách nào?

(Các) cách trả lời.

I have experience in learning new concepts without training. I usually look through books or manuals to find answers. Because I'm good at learning, I'll study relevant material to help me do my duties well.

Tôi có kinh nghiệm trong việc học các khái niệm mới mà không cần qua đào tạo. Tôi thường đọc sách hoặc các hướng dẫn để tìm ra câu trả lời. Vì tôi giỏi trong việc học hỏi, tôi sẽ nghiên cứu các tài liệu liên quan để hoàn thành tốt trách nhiệm của mình.

I have experience in this area so I won't need much training. However, I know different companies have different ways of doing things, so I'll learn company policies and methods quickly to apply my existing knowledge to do a good job.

Tôi có kinh nghiệm trong lĩnh vực này nên tôi không cần quá nhiều sự huấn luyện. Tuy nhiên, tôi hiểu mỗi công ty có cách làm việc khác nhau, nên tôi sẽ nghiên cứu về các chính sách của công ty cũng như cách thức làm việc một cách nhanh chóng để áp dụng những kiến thức sẵn có của bản thân để hoàn thành tốt công việc.

The first couple weeks are important. I think it's important to study the correct material, ask the right questions, and put in extra effort to learn what I need to know. This is what I usually do to make sure I'll be performing well.

Những tuần đầu tiên là cực kỳ quan trọng. Tôi nghĩ việc nghiên cứu những tài liệu đúng, hỏi những câu hỏi phù hợp, và bỏ ra nhiều công sức để học những điều tôi cần biết là điều quan trọng. Đây là việc tôi thường làm để chắc rằng mình biểu hiện tốt trong công việc.

Câu hỏi 77.

If your supervisor tells you to do something that you believe can be done in a different way, what would you do?

Nếu cấp trên yêu cầu anh/chị làm việc gì mà anh/chị cho rằng mình có thể làm nó theo cách khác, anh/chị sẽ làm gì?

(Các) cách trả lời.

I will tell my supervisor an alternative way and explain the benefits. If my supervisor is not convinced, then I'll follow his instructions.

Tôi sẽ nói với cấp trên của mình một phương án thay thế và giải thích cho họ nghe về các điểm thuận lợi. Nếu tôi vẫn không thuyết phục được cấp trên, tôi sẽ làm theo chỉ dẫn của ông ấy.

I'll suggest a different way of doing the assignment along with the benefits. If my supervisor disagrees and insists I do it a certain way, I'll follow the instructions.

Tôi sẽ gợi ý ra cách khác để hoàn thành công việc này cùng với những lợi ích của nó. Nếu cấp trên không đồng tình và vẫn muốn làm theo cách kia, tôi sẽ làm theo chỉ dẫn của họ.

I'll suggest a different method and ask my supervisor if I can do this work the new way. If the result will be the same but would potentially save more time, then I believe my manager will allow it. However, if my manager wants it done a certain way for other reasons, I'll follow his or her instructions.

Tôi sẽ gợi ý một cách thức khác và hỏi ý cấp trên xem tôi có thể làm theo cách này hay không. Nếu kết quả vẫn không thay đổi nhưng có thể giúp tiết kiệm thời gian hơn, tôi tin là giám đốc sẽ

cho phép. Tuy nhiên nếu giám đốc vẫn muốn làm theo cách kia vì lý do nào đó, tôi sẽ làm theo chỉ dẫn của ông ấy/bà ấy.

Câu hỏi 78.

If you're told to do something that you feel is illegal, what would you do?

Nếu anh/chị được yêu cầu làm việc gì đó bất hợp pháp, anh/chị sẽ làm gì?

(Các) cách trả lời.

I would first verify if it's legal or not. If it is legal, then I would continue with the work. If it's illegal, I would not do the work and tell my manager that this work is illegal. I would also let Human Resources be aware of the situation.

Trước hết tôi sẽ tìm hiểu xem công việc này hợp pháp hay không. Nếu nó hợp pháp tôi sẽ tiếp tục. Nếu không hợp pháp, tôi sẽ không làm và nói với giám đốc của mình rằng đây là việc không hợp pháp. Tôi cũng sẽ để phòng nhân sự biết về chuyện này.

I'd verify if the work was legal or not. If it wasn't legal, then I'd confront my manager and my manager's manager with this incident.

Tôi sẽ tìm hiểu xem công việc này có hợp pháp hay không. Nếu nó không hợp pháp, tôi sẽ đối mặt với giám đốc và cấp trên của giám đốc về điều này.

I wouldn't jump to any conclusions. I would rather question my manager to verify if it is illegal or not. If I'm not convinced through facts, then I would investigate through other means. If I find it is illegal, I will not continue with the work and inform Human Resources of this incident.

Tôi sẽ không đưa ra bất kỳ quyết định nào một cách vội vã. Tôi thích đi hỏi giám đốc của mình để tìm hiểu xem việc đó có hợp pháp hay không. Nếu giám đốc không thuyết phục được tôi bằng các dữ liệu thực tế, tôi sẽ tìm hiểu qua những cách khác. Nếu tôi tìm ra đó là việc bất hợp pháp, tôi sẽ không làm và báo với bộ phận nhân sự về chuyện này.

Câu hỏi 79.

If you were unfairly criticized, what would you do?

Nếu anh/chị bị chỉ trích một cách không công bằng, anh/chị sẽ làm gì?

(Các) cách trả lời.

I'd probably ask for clarity on the criticism. I think it's important to accept criticism for self improvement, but if it's unfair, then I will clear things up by asking for clarity.

Tôi sẽ làm rõ lời chỉ trích. Tôi nghĩ việc chấp nhận lời phê bình để bản thân cải thiện là điều quan trọng nhưng nếu đó là một lời chỉ trích không công bằng thì tôi sẽ làm rõ mọi chuyện bằng cách yêu cầu giải thích rõ về lời chỉ trích đó.

When I'm unfairly criticized, I usually think about the criticism and try to view it from a different angle. If I still can't see why I was criticized, then I'll approach the person and initiate a dialog to resolve the unfair criticism.

Khi tôi bị chỉ trích một cách bất công, tôi thường nghĩ về lời phê bình đó và cố nhìn từ một góc độ khác. Nếu tôi vẫn không thể hiểu vì sao mình bị chỉ trích, thì tôi sẽ tìm đến người đó, nói chuyện với họ để giải quyết lời phê bình không công bằng này.

I usually use all criticism to help me grow. If I was criticized unfairly, there must be a little truth to it. I'll learn as much as I can from it, but if it was really out of line, I would definitely approach the person and ask for clarity.

Tôi thường dùng tất cả mọi sự phê bình để làm mình trưởng thành lên. Nếu tôi bị chỉ trích một cách bất công, thì vẫn có một chút sự thật nào đó trong lời chỉ trích này. Tôi sẽ học từ nó nhiều nhất có thể, nhưng nếu nó hoàn toàn sai sự thật thì tôi sẽ tìm đến người đó và yêu cầu giải thích.

Câu hỏi 80.

What are you looking to gain from your next job?

Anh/chị mong muốn nhận được điều gì ở công việc mới?

(Các) cách trả lời.

I want a position where I'll be challenged. I want to learn a lot of new things and I want to continually grow. So I'm looking for a job that will provide these things for me.

Tôi muốn làm ở một vị trí mà tại đó tôi được thử thách. Tôi muốn học thật nhiều điều mới và tôi muốn bản thân liên tục được phát triển. Vì vậy tôi đang tìm kiếm một công việc mà có thể mang lại cho tôi những điều này.

I want to gain experience in many areas of accounting. I want a position where things are not routine and where many of my accounting skills are utilized.

Tôi muốn gạt hái được kinh nghiệm trong nhiều lĩnh vực khác nhau về kế toán. Tôi muốn một vị trí không phải chỉ làm đi làm lại một công việc, tôi muốn làm công việc mà tại đó nhiều kỹ năng kế toán của tôi được ứng dụng.

In my next job, I want more opportunities to write automation. In my previous position, we didn't have these opportunities because we outsourced this work to other groups.

Trong công việc tiếp theo của tôi, tôi muốn thêm nhiều cơ hội để viết tự động. Ở vị trí trước đây của tôi, chúng tôi không có những cơ hội này bởi vì chúng tôi khoán cho các nhóm khác.

Câu hỏi 81.

What aspects of this job interest you the most?

Điểm nào ở công việc này làm anh/chị cảm thấy thích thú nhất?

(Các) cách trả lời.

I'm very excited about this job because of the variety of different work. I'm well rounded and it's always exciting when I can use many of my skills for a job.

Tôi rất hứng thú với công việc này bởi vì sự đa dạng về các công việc. Tôi là người toàn diện nên sẽ rất hứng thú khi tôi có thể dùng nhiều kỹ năng của mình cho công việc.

The most interesting aspect of this job is the product you're working on. I think it's so exciting working on a product that twelve million people use. I want to be on a team where my work will make many people enjoy our product more.

Điều làm tôi cảm thấy thú vị nhất trong công việc này chính là sản phẩm mà các vị đang làm ra. Tôi nghĩ rằng sẽ rất hứng thú khi có thể tạo ra một sản phẩm được 12 triệu người sử dụng. Tôi muốn trở thành một thành viên của đội nơi công việc của tôi là giúp cho nhiều người càng yêu thích sản phẩm của chúng ta hơn nữa.

I like the fact that this position requires someone who is detail oriented. Because we're working with sensitive data, it's important that all the information is perfect. This type of challenge always interested me.

Tôi thích công việc này ở khía cạnh nó đòi hỏi một người phải chú trọng vào các chi tiết. Vì làm việc với các số liệu có tính nhạy cảm, nên tất cả mọi thông tin cần phải hoàn hảo là điều quan trọng. Loại thử thách dạng này luôn làm cho tôi cảm thấy hứng thú.

Câu hỏi 82.

If you are given work from your manager that is boring and tedious, what will you do?

Nếu anh/chị nhận được việc từ cấp trên giao nhưng đó là một công việc buồn tẻ và nhàm chán, anh/chị sẽ làm gì?

(Các) cách trả lời.

If it's helping the company in any way, I don't mind doing boring work.

Nếu nó giúp ích cho công ty, tôi không ngại làm việc buồn tẻ.

My responsibility as an employee is to help the company succeed. If the work I'm given will help the company, then I'll do the best that I can no matter if it's boring or tedious.

Trách nhiệm của tôi khi là một nhân viên đó chính là giúp cho công ty thành công. Nếu công việc được giao có ích cho công ty, tôi sẽ làm hết khả năng có thể dù nó có nhàm chán hay buồn tẻ.

I don't mind doing boring and tedious work. As long as I don't have to do it for a long duration such as six months, then I really wouldn't have a problem.

Tôi không ngại làm các công việc nhàm chán hay buồn tẻ. Chỉ cần tôi không phải làm nó trong một khoảng thời gian dài như sáu tháng chẳng hạn, thì tôi sẽ không gặp phải bất kỳ vấn đề gì.

Câu hỏi 83.

How long do you plan on staying with this company?

Anh/chị dự tính sẽ làm cho công ty trong bao lâu?

(Các) cách trả lời.

To tell you the truth, I have been working and gaining experience to get into this company. This is where I want to be and I plan on staying a long time if I'm offered the job.

Xin nói thật, tôi đã không ngừng làm việc và gặt hái kinh nghiệm để có thể được vào làm tại quý công ty. Đây là nơi mà tôi muốn cũng như dự tính sẽ làm việc lâu dài nếu tôi được nhận vào làm việc.

The only time I get bored is if there is no work to do. As long as there's a lot of work, then I'll be happy and stay a long time. I'm a busy body and I need to do work.

Tôi sẽ chỉ cảm thấy buồn chán khi không có việc gì để làm. Chỉ cần có nhiều việc cần làm, tôi sẽ rất cảm thấy vui và ở lại công ty lâu dài. Tôi là người thích bận rộn vì vậy tôi cần phải có việc để làm.

This company has everything I'm looking for. It provides the type of work I love, the employees are all happy, and the environment is great. I plan on staying a long time.

Quý công ty có mọi điều mà tôi đang tìm kiếm. Loại công việc phù hợp, nhân viên vui vẻ và môi trường làm việc thì rất tuyệt vời. Tôi dự định sẽ làm ở đây lâu dài.

One of my goals is to obtain a position in this company. I know that once I start working here, it'll be for a long time.

Một trong những mục tiêu của tôi là giành được một vị trí làm việc tại quý công ty. Tôi biết rằng một khi tôi bắt đầu làm việc ở đây, tôi sẽ làm việc trong một thời gian dài.

Câu hỏi 84.

How do you explain the fact that you frequently change jobs? I see that you haven't stayed with a company for more than 2 years.

Anh/chị giải thích thế nào về việc anh/chị thường xuyên thay đổi công việc? Tôi nhận thấy anh/chị chưa từng ở một công ty nào quá 2 năm.

(Các) cách trả lời.

I have been gaining experience and knowledge to have the minimum requirements to work for this company. My goal is to work for this company, and I'll be working here a long time because this is where I want to be.

Tôi không ngừng gặt hái kinh nghiệm và kiến thức để có thể đáp ứng được những yêu cầu tối thiểu khi làm việc tại quý công ty. Mục tiêu của tôi là làm việc tại quý công ty và tôi sẽ làm việc ở đây lâu dài vì đây chính là nơi mà tôi muốn làm.

I planned on staying with my current job for a longer time period, but when this position opened up, I really wanted to apply because this company has everything I need. So even though I change jobs frequently, I'm certain that I love this industry and that this is a great company to work for. I plan on staying a long time.

Tôi đã dự định sẽ làm lâu tại công việc hiện tại của mình, nhưng khi biết về vị trí này, tôi thật sự muốn nộp đơn ứng tuyển vì quý công ty có mọi điều tôi cần. Vì vậy, dù tôi thay đổi công việc thường xuyên, tôi chắc rằng tôi thích ngành công nghiệp này và rằng đây là một công ty tuyệt vời để làm việc. Tôi dự định sẽ làm việc ở đây lâu dài.

I want to work for a large company that has many opportunities. I didn't receive this in my other companies because they were smaller, but I learned this company has a lot of great work to do and a lot of different opportunities.

Tôi muốn làm việc cho một công ty lớn có nhiều cơ hội. Tôi không có được điều này tại những công ty trước đây vì chúng nhỏ hơn, nhưng tôi biết được rằng quý công ty có rất nhiều công việc tuyệt vời để làm và rất nhiều cơ hội khác.

Câu hỏi 85.

Tell me about a time you had a big disagreement with your boss. What did you do and what was the outcome?

Nói cho tôi nghe về thời điểm anh/chị gặp phải bất đồng lớn với sếp của mình. Anh/chị đã làm gì và kết quả ra sao?

(Các) cách trả lời.

I never really had a big disagreement with my manager. The only thing I can think of was when I recently got back from a business trip, my manager told me I had to go on another one the next

day. In my previous company, it wasn't common to send someone on a business trip immediately, but another employee got sick so I had to fill in.

Chưa bao giờ tôi thật sự có bất đồng lớn với sếp của mình. Điều duy nhất tôi có thể nghĩ đến đó là khi tôi trở về sau chuyến công tác, giám đốc nói với tôi rằng tôi phải đi công tác tiếp vào ngày hôm sau. Ở công ty cũ, việc yêu cầu ai đi công tác ngay lập tức là điều không hay xảy ra nhưng một nhân viên khác bị ốm và tôi cần phải thế họ.

I had a disagreement with my boss on how to do an assignment. It was easy to resolve by having a discussion on the pro's and con's of both methods. We didn't come to any conclusion which way was better, and I ended up performing the work the way my manager wanted. This was because in case I couldn't finish the assignment, he could easily pick up where I left off.

Tôi gặp bất đồng với sếp về cách làm việc. Việc này được giải quyết dễ dàng chỉ bằng cách thảo luận về những lợi điểm và bất lợi của cả hai cách làm. Chúng tôi không đưa ra được kết luận cuối cùng rằng cách nào là cách tốt hơn và tôi cuối cùng đã thực hiện công việc theo cách mà giám đốc muốn. Sở dĩ tôi làm vậy là vì trong trường hợp tôi không thể hoàn thành công việc, ông ấy sẽ dễ dàng làm tiếp phần còn lại.

Câu hỏi 86.

What do you do when there is no work to do?

Anh/chị sẽ làm gì khi không có việc để làm?

(Các) cách trả lời.

I always try to be productive even if there isn't much work to do. I use my time to find areas of improvement within the office, take time to study new things that will help me on future projects, and volunteer to help other coworkers that might have too much work.

Tôi luôn cố gắng là người có hiệu suất cao kể cả khi không có nhiều việc để làm. Tôi dùng thời gian của mình để tìm ra các lĩnh vực mà tôi có thể cải thiện nơi công sở, dành thời gian học hỏi cái mới sẽ giúp tôi khi làm dự án trong tương lai, và tình nguyện giúp đỡ các đồng nghiệp khác khi họ có quá nhiều việc cần làm.

Usually when I have nothing to do, I ask my manager if any of my peers need help. If not, then I usually spend time studying material that will help me on my next project.

Thường khi không có việc gì làm, tôi sẽ hỏi giám đốc xem có đồng sự nào cần tôi giúp đỡ không. Nếu không, tôi thường dành thời gian nghiên cứu tài liệu mà sẽ giúp ích cho tôi trong dự án tiếp theo.

As a sales associate, there are many times when there is no work. But I always stay busy by cleaning and rearranging the items I'm selling before customers come in.

Với vai trò là nhân viên bán hàng, có rất nhiều thời điểm không có việc làm. Nhưng tôi luôn làm cho mình bận rộn bằng cách lau dọn và sắp xếp lại các món đồ vật tôi đang bán trước khi khách hàng bước vào.

When I have no direct work, I always find side projects such as thinking about a process of some sort that helps with office efficiency. One time, I created a small tool using MS Word that helped our team speed up the mailing process.

Khi tôi không có công việc trực tiếp, tôi thường tìm các dự án phụ như tìm cách cho ra một quy trình hoặc cái gì đó tương tự để giúp việc công ty hiệu quả hơn. Có một lần, tôi đã tạo ra một công cụ nhỏ dùng MS Word để giúp đội chúng tôi rút ngắn quy trình gửi mail.

Câu hỏi 87.

What do you do when there are too many things to do?

Anh/chị sẽ làm gì khi có quá nhiều việc cần phải làm?

(Các) cách trả lời.

I usually plan, organize, prioritize and then work real hard. I always keep my cool and work on one item after another. I found that this is efficient instead of worrying about how much work there is to do.

Tôi thường lên kế hoạch, tổ chức, sắp xếp thứ tự ưu tiên và sau đó làm việc thật sự chăm chỉ. Tôi luôn giữ bình tĩnh và làm từng việc một. Tôi thấy rằng đây là cách làm hiệu quả thay vì lo lắng có quá nhiều việc cần phải làm.

I really like it when there is so much work. I'm a fast and efficient worker and I like taking challenges that are big. With proper planning and execution, I have always managed to complete all my tasks.

Tôi thật sự thích khi có quá nhiều công việc. Tôi là một nhân viên hiệu quả và lanh lẹ và tôi thích những thử thách lớn. Bằng việc có kế hoạch đúng đắn và làm việc phù hợp, tôi sẽ luôn có thể xoay sở để hoàn thành mọi công việc của mình.

I regain my composure, take a deep breath, and work diligently. If there is a chance that I might not finish something due to the size of the work item, I'll inform my manager and make sure my manager is aware of my situation.

Tôi lấy lại sự bình tĩnh, hít thở sâu và làm việc chăm chỉ. Nếu có khả năng tôi có thể không hoàn thành vì khối lượng công việc, tôi sẽ báo với cấp trên và chắc rằng cấp trên nhận thức được tình hình.

I believe in hard work. A lot can get accomplished by working diligently. In a situation where there are many things to do, I'll reprioritize my work, plan and organize as much as I can and work hard.

Tôi tin vào việc làm việc chăm chỉ. Có rất nhiều có thể đạt được nhờ vào làm việc siêng năng. Trong một tình huống khi có nhiều việc cần phải làm, tôi sẽ sắp xếp lại thứ tự ưu tiên trong công việc, lên kế hoạch và tổ chức mọi việc nhiều nhất có thể vào làm việc chăm chỉ.

Câu hỏi 88.

What do you do when you feel burned out?

Anh/chị sẽ làm sao khi mệt mỏi?

(Các) cách trả lời.

I think it's important to anticipate being burned out before it happens. But if a deadline requires me to work so much that I end up being burned out, I try to relax myself and get reenergized by not thinking about work at home and watching a good movie.

Tôi nghĩ việc lường trước việc bị mệt mỏi trước khi nó xảy ra là quan trọng. Nhưng nếu hạn chót yêu cầu tôi phải làm việc nhiều thì tôi sẽ bị mệt mỏi, tôi cố gắng thư giãn và lấy lại năng lượng bằng cách không nghĩ đến công việc khi về nhà và xem một bộ phim hay.

When I feel burned out, I go to the gym and work out. This actually helps me because it moves the focus from my mind to my body. After a good work out, I really feel mentally rejuvenated.

Khi tôi cảm thấy mệt mỏi, tôi đến phòng tập và tập thể hình. Nó thật sự giúp tôi vì nó giúp tôi di dời sự tập trung vào cơ thể mình thay vì bộ não. Sau khi tập thể hình, tôi thật sự cảm thấy trẻ lại về tinh thần.

I usually use the weekends to engage in my personal hobbies to prevent me from burning out. I like to play tennis and golf, and these activities keep me mentally energized to work hard in the office.

Tôi thường dùng cuối tuần của mình cho các sở thích cá nhân và giúp tôi không bị mệt mỏi. Tôi thích chơi quần vợt và gôn, và những hoạt động này giúp tôi có năng lượng về tinh thần để làm việc chăm chỉ ở công sở.

Câu hỏi 89.

How do you manage having so many things to do such as work, family, and school?

Anh/chị xoay sở ra sao khi có quá nhiều việc cần phải làm như công việc, gia đình, và học tập?

How do you balance both your family and your job?

Làm sao anh/chị cân bằng giữa gia đình và công việc?

(Các) cách trả lời.

With my kids in school, it's really easy to manage my time. I have the full day to myself and I want to be productive by helping a company grow.

Bọn trẻ nhà tôi đã đi học nên thật sự dễ dàng để tôi quản lý thời gian của mình. Tôi có trọn vẹn một ngày cho bản thân và tôi muốn làm việc hiệu suất cao bằng cách giúp công ty phát triển.

I'm very organized and I plan everything I do. This helps me to easily find a balance between family and work.

Tôi là người có tổ chức và tôi lên kế hoạch mọi việc tôi làm. Việc này giúp tôi dễ dàng có được sự cân bằng giữa gia đình và công việc.

Well, during the day while my kids are in school, I like to work. And in the evenings we spend time together doing homework. I really enjoy being busy and managing multiple things in my life.

Trong ngày khi bọn trẻ đi học, tôi thích làm việc. Còn vào buổi chiều, chúng tôi cùng nhau làm bài tập về nhà. Tôi thật sự thích việc mình bận rộn và quản lý nhiều việc trong cuộc sống của mình.

Câu hỏi 90.

You've been with one company your entire career. Don't you think you will have a tough time adjusting to a new environment?

Anh/chị đã làm việc tại một công ty trong suốt sự nghiệp của mình. Anh/chị có nghĩ là mình sẽ gặp khó khăn trong việc hòa nhập với một môi trường mới không?

(Các) cách trả lời.

In my company, my projects changed very frequently and I was required to ramp up on new technologies. I'm also very friendly and like to meet new people. So I think I'll have an easy time adjusting to a new environment.

Ở công ty tôi, các dự án của tôi thay đổi thường xuyên và tôi buộc phải nhanh chóng làm quen với các công nghệ mới. Tôi cũng là người thân thiện và thích gặp gỡ người mới. Nên tôi nghĩ tôi sẽ có khoảng thời gian dễ dàng nếu cần hòa nhập với một môi trường mới.

I actually like being in new environments. I like to travel a lot and even when I'm in a different country, I've always blended in smoothly.

Tôi thực sự thích được ở trong các môi trường mới. Tôi thích đi du lịch và thậm chí khi tôi ở nước khác, tôi luôn dễ dàng hòa nhập.

I don't think it will be very difficult. I learned that this company is very diverse and has a great office environment. I feel I'll blend right in and make solid contributions to this company.

Tôi không nghĩ đó là điều rất khó khăn. Tôi tìm hiểu được rằng quý công ty rất đa dạng và có một môi trường làm việc tuyệt vời. Tôi cảm thấy mình sẽ hòa nhập được và có được sự đóng góp vững chắc cho công ty.

Câu hỏi 91.

What have you heard about our company that you didn't like?

Điều gì về công ty chúng tôi mà anh chị không thích?

(Các) cách trả lời.

From my research, I didn't find anything I disliked. This company provides great benefits, works on exciting products, and is listed in the top 100 companies to work for.

Từ việc tôi tự tìm hiểu, tôi không thấy bất kỳ điểm nào tôi không thích. Công ty này cung cấp rất nhiều lợi ích, tạo ra những sản phẩm thú vị và được đánh giá thuộc top 100 công ty đáng để làm việc cùng.

When I search for a job, I always look for negative things. However, I didn't find anything that I didn't like. That's why I'm very excited to have this opportunity to work here.

Khi tôi tìm kiếm công việc, tôi luôn hiểu về những điều tiêu cực. Tuy nhiên, tôi không tìm thấy điều gì làm tôi không thích. Đó là lý do vì sao tôi rất hứng thú khi có cơ hội làm việc ở đây.

Hmmm... I read up on this company thoroughly and even spoke with a friend who works here. I didn't hear anything negative about ABC Company. Is there something I should know before working here?

Hmmm, tôi đã đọc về công ty và thậm chí đã nói chuyện với một người bạn đang làm việc tại đây. Tôi không nghe bất kỳ điều tiêu cực nào về công ty ABC cả. Liệu có điều gì tôi cần biết trước khi làm việc tại đây hay không?

Câu hỏi 92.

Do you want to work for a small or large company and why?

Anh/chị muốn làm việc cho một công ty nhỏ hay một công ty lớn và tại sao?

(Các) cách trả lời.

I want to work for a large company because there are different opportunities within the company. I also feel a larger company provides better training. Finally, a larger company already has key processes in place to provide employees tools to work efficiently.

Tôi muốn làm việc cho một công ty lớn vì có những cơ hội khác nhau trong công ty. Tôi cũng cảm thấy một công ty lớn sẽ đào tạo (nhân viên) tốt hơn. Cuối cùng, một công ty lớn hơn đã có sẵn các quy trình trọng điểm để cung cấp cho nhân viên các công cụ làm việc hiệu quả.

I worked for a small company for a year and missed out on a lot of benefits a larger company provides such as training, structured work environment, and a wider variety of work. So I want to work for a large company.

Tôi đã làm việc cho một công ty nhỏ trong một năm và bỏ lỡ rất nhiều lợi ích mà một công ty lớn có thể mang lại như việc huấn luyện, môi trường làm việc có tổ chức và công việc đa dạng. Vì vậy tôi muốn làm việc cho một công ty lớn.

I want to work for a small company because I feel I'll have more opportunities to gain valuable experience. I know some friends in large companies and they have specific roles that limit what they're capable of doing. I'm hoping that a small company will have more variety and challenges for each employee.

Tôi muốn làm việc cho một công ty nhỏ vì tôi cảm thấy tôi sẽ có nhiều cơ hội để gạt hái những kinh nghiệm có giá trị. Tôi có một vài người bạn làm việc tại các công ty lớn và họ có vai trò cụ thể và bị giới hạn trong về những việc họ có thể làm. Tôi hi vọng rằng một công ty nhỏ sẽ mang lại cho các nhân viên sự đa dạng và thử thách.

Câu hỏi 93.

What do you do when you're having difficulty solving a problem?

Anh/chị sẽ làm gì nếu gặp khó khăn trong việc xử lý một vấn đề?

(Các) cách trả lời.

I usually take a short break. I found that this helps me think clearer and often times I end up solving the problem.

Tôi thường nghỉ giải lao. Tôi nhận thấy cách này giúp tôi suy nghĩ thấu đáo hơn và thường thì tôi sẽ có thể giải quyết được vấn đề.

I break down the problem piece by piece and try and solve difficult problems step by step. This approach helps me not to get overwhelmed by difficult problems.

Tôi chia nhỏ vấn đề ra và cố gắng giải quyết các vấn đề khó từng bước một. Cách tiếp cận này giúp tôi không bị quá tải vì những vấn đề khó.

I always do my best solving difficult problems. If I have trouble, I'll use resources around me such as looking through the Internet, asking co-workers, asking my manager, or looking through some books.

Tôi luôn cố hết sức để giải quyết các vấn đề khó. Nếu tôi gặp rắc rối, tôi sẽ sử dụng các nguồn lực xung quanh tôi như tìm kiếm trên mạng Internet, hỏi đồng nghiệp, hỏi cấp trên hoặc đọc sách.

Câu hỏi 94.

What do you do when you have a problem with a direct?

Anh/Chị làm gì khi có rắc rối với giám đốc?

(Các) cách trả lời.

I believe in open communication. I always analyze the problem and tell my direct clearly. I always provide steps that we both can take to deal with the problem. This approach helps me because it shows my respect.

Tôi tin rằng trong việc giao tiếp cởi mở. Tôi luôn phân tích vấn đề và nói rõ ràng với giám đốc của tôi. Tôi luôn luôn đưa các bước mà cả hai chúng tôi đều có thể dùng để đối phó với vấn đề này. Cách tiếp cận này sẽ giúp tôi bởi vì nó cho thấy sự tôn trọng của tôi.

In this situation, I believe communication is very important. I'll usually have a meeting with my direct on the problems I have. It's easier to work on a problem together when everyone involved is aware, so I always communicate the problems that I see.

Trong tình huống này, tôi tin rằng giao tiếp là rất quan trọng. Tôi sẽ thường gặp gỡ giám đốc của tôi về những vấn đề mà tôi gặp phải. Sẽ dễ dàng hơn khi cùng nhau giải quyết một vấn đề mà mọi người có liên quan là có nhận thức, vì vậy tôi luôn truyền đạt những vấn đề mà tôi gặp.

I believe feedback is important to solve problems with a direct. I meet with my directs regularly and always provide suggestions on how to improve. I also use this time to work out problems we might have. It's important to let my directs know where I stand so they don't have to make assumptions.

Tôi tin rằng phản hồi là rất quan trọng để giải quyết vấn đề với một vị giám đốc. Tôi gặp các giám đốc thường xuyên và luôn luôn đưa ra các gợi ý về cách để cải thiện. Tôi cũng sử dụng thời gian này để giải quyết những vấn đề mà chúng tôi có thể gặp phải. Để các giám đốc của tôi biết nơi tôi đang đứng là rất quan trọng, để họ không phải giả định gì cả.

Câu hỏi 95.

What do you do when you have a problem with your boss?

Anh/chị sẽ làm gì khi gặp vấn đề với sếp?

(Các) cách trả lời.

I'm very open with my manager. I feel it's important that my manager knows how I feel. I always start a conversation and try and solve our differences through professional conversation.

Tôi rất thẳng thắn với giám đốc của mình. Tôi cảm thấy việc giám đốc biết cảm nhận của tôi ra sao là rất quan trọng. Tôi thường mở đầu cuộc nói chuyện và cố gắng giải quyết những bất đồng giữa chúng tôi qua các cuộc nói chuyện một cách chuyên nghiệp.

When I have a problem with my boss, I don't like to keep it bottled up. I want to resolve problems so I can work efficiently without distractions. So I always talk to my manager about the problems that I have openly.

Khi tôi gặp vấn đề với sếp, tôi không thích giữ im lặng cho qua. Tôi muốn giải quyết vấn đề để tôi có thể làm việc hiệu quả mà không bị phân tâm. Vì vậy tôi luôn nói chuyện thẳng thắn với giám đốc của mình về những vấn đề giữa chúng tôi.

I deal with different types of people very well, but if I have a problem that affects my work, I will openly tell my manager and the reason why it's bothering me.

Tôi giỏi trong việc đối nhân xử thế, nhưng nếu tôi gặp vấn đề ảnh hưởng đến công việc của mình, tôi sẽ nói chuyện thẳng thắn với giám đốc của mình và lý do làm tôi cảm thấy không hài lòng.

Câu hỏi 96.

What do you do when you have a problem with your job?

Anh/chị sẽ làm gì khi có vấn đề phát sinh trong công việc?

(Các) cách trả lời.

In this situation, I ask myself why I'm having the problem. After identifying it, I work on solving the problems so I can be more efficient in my work.

Trong trường hợp này, tôi sẽ tự hỏi mình xem vì sao mình lại gặp vấn đề. Sau khi đã xác định được, tôi sẽ tập trung tìm giải pháp để xử lý vấn đề nhờ đó tôi có thể làm việc hiệu quả hơn.

It depends on the specific problem, but in most cases, I'll face the problem that I have with my job and find a solution. If I avoid the problem, it will always be there and my work quality will decrease. So I found that solving the problems immediately helps me in the long term.

Điều này tùy thuộc vào từng vấn đề cụ thể, nhưng đa số các trường hợp, tôi sẽ đối mặt với vấn đề mình gặp phải và tìm giải pháp cho nó. Nếu tôi trốn tránh vấn đề, nó sẽ luôn tồn tại và chất lượng công việc của tôi sẽ bị giảm xuống. Vì vậy, tôi hiểu rằng giải quyết vấn đề ngay lập tức sẽ mang lại cho tôi lợi ích lâu dài.

If I have a problem that I can solve, I'll do everything I can to correct it. If the problem is out of my control, I feel it's important to let my manager know what my problems are.

Nếu tôi gặp vấn đề mà mình có thể giải quyết, tôi sẽ làm mọi thứ trong khả năng để giải quyết. Nếu vấn đề nằm ngoài khả năng giải quyết của tôi, tôi cảm thấy cần phải cho giám đốc biết vấn đề của tôi là gì.

Whether I'm happy or unhappy, I'll always do my best work. If the problem I have with my job is affecting the quality of my work, I'll identify the problem and then take steps to find solutions.

Dù vui hay không vui, tôi luôn làm tốt công việc của mình. Nếu vấn đề tôi gặp phải gây ảnh hưởng đến chất lượng công việc, tôi sẽ xác định rõ vấn đề và rồi từng bước tìm ra giải pháp.

Câu hỏi 97.

What do you do when you have a problem with a co-worker?

Anh/chị sẽ làm gì khi gặp vấn đề với đồng nghiệp?

(Các) cách trả lời.

If I have a problem with a co-worker, I believe it's so important to talk to them. Even if I'm the one with the problem, I want to know so I can be a better team mate.

Nếu tôi gặp vấn đề với đồng nghiệp, tôi tin rằng nói chuyện với họ có vai trò rất quan trọng. Thậm chí dù tôi là người gây ra vấn đề thì tôi cũng muốn biết để có thể trở thành một người đồng đội tốt hơn.

If I have a problem, I try to approach my co-worker and let them know as professionally as possible. If I'm the one with the problem, I'll politely ask what I can do to improve the relationship. I found that proper communication solves many problems..

Nếu tôi gặp vấn đề, tôi sẽ tìm cách tiếp cận và nói chuyện với đồng nghiệp một cách chuyên nghiệp nhất có thể. Nếu tôi là nguyên nhân gây ra vấn đề, tôi sẽ lịch sự hỏi họ xem tôi có thể làm gì để cải thiện mối quan hệ với họ. Tôi nhận ra rằng giao tiếp một cách đúng đắn có thể giải quyết rất nhiều vấn đề.

I've always been told that I'm a great person to work with, but if I were in a situation where I was having a problem, I believe I would work on our relationship by being more understanding.

Ai cũng nói rằng tôi là người đồng đội tuyệt vời, nhưng nếu tôi rơi vào trường hợp gặp phải vấn đề, tôi tin mình sẽ giải quyết vấn đề trong mối quan hệ với đồng nghiệp bằng cách trở nên thấu hiểu hơn

Câu hỏi 98.

How do you handle conflict?

Làm cách nào anh/chị giải quyết mâu thuẫn?

(Các) cách trả lời.

I treat most conflicts the same. I analyze the conflict and create a list of steps I can take to resolve it. By thinking about these steps and taking action, I found that most conflicts are easy to handle.

Tôi xử lý hầu hết mọi mâu thuẫn theo cùng một cách. Tôi phân tích mẫu thuẫn và tạo ra một danh sách các bước có thể làm để giải quyết chúng. Bằng việc nghĩ đến các bước thực hiện và thực hiện chúng, tôi nhận ra rằng hầu hết mọi mâu thuẫn đều có thể xử lý dễ dàng.

I handle conflicts by analyzing them. I'm a very analytical person and I feel all problems have a solution. I usually think about the conflict and find ways to deal with it.

Tôi giải quyết mâu thuẫn bằng cách phân tích chúng. Tôi là người có khả năng phân tích và tôi cảm thấy mọi vấn đề đều có giải pháp xử lý. Tôi luôn nghĩ về mâu thuẫn và tìm cách xử lý chúng.

Whenever I'm confronted with a conflict, I always follow a simple process. I think about what the current conflict is, think of several ways I can deal with this conflict, and then take the best action after my analysis.

Bất kỳ khi nào tôi phải đương đầu với mâu thuẫn, tôi luôn làm theo một quy trình đơn giản. Tôi nghĩ xem mâu thuẫn hiện tại là gì, nghĩ đến vài cách thức tôi có thể dùng để xử lý mâu thuẫn và rồi thực hiện theo cách tốt nhất sau khi hoàn thành mọi việc phân tích.

Câu hỏi 99.

Have you fired anyone? And if so, why?

Anh/chị đã từng sa thải ai chưa? Và nếu có, thì tại sao?

(Các) cách trả lời.

I've never had to fire anyone yet, but if I'm in this situation, I would follow company policy and do it professionally.

Tôi chưa từng sa thải bất kỳ ai, nhưng nếu tôi ở trong hoàn cảnh này, tôi sẽ làm theo chính sách của công ty và thực hiện nó một cách chuyên nghiệp.

I had to fire one employee who continually failed to complete projects. Before firing this employee, I tried to work with him by motivating, encouraging, and even providing different work. In the end, nothing worked and I had no choice but to let him go.

Tôi đã phải sa thải một nhân viên liên tục không hoàn thành các dự án. Trước khi sa thải nhân viên này, tôi đã cố gắng làm việc cùng anh ta bằng việc tạo động lực, khuyến khích, thậm chí là giao công việc khác. Nhưng cuối cùng, không có gì thay đổi và tôi không còn lựa chọn nào khác ngoài việc sa thải anh ta.

The only time I had to fire someone was when an employee was continually late. We have a company policy of giving a verbal warning for the first three offenses, and then a written warning after the 3rd offense. I had many discussions about this problem with this employee, but it didn't help. In the end, we had to let him go.

Lần duy nhất tôi sa thải nhân viên đó là khi họ liên tục đi trễ. Công ty chúng tôi có chính sách đưa ra lời cảnh báo cho 3 lần sai phạm đầu tiên, nếu vẫn tiếp tục sai phạm sẽ có văn bản nhắc nhở. Tôi đã thảo luận vấn đề này rất nhiều với người nhân viên này, nhưng không có gì thay đổi cả. Và cuối cùng, chúng tôi đã phải để anh ta ra đi.

Câu hỏi 100.

What do you do when a worker is giving the team more problems than helping?

Anh/chị sẽ làm gì khi một nhân viên gây khó khăn cho đội nhiều hơn là giúp đỡ cho công việc của đội?

(Các) cách trả lời.

I follow a process of helping my coworker out in any way I can. This can include assistance in their portion of the work or by encouragement. If that doesn't work, then we redistribute the work to make sure everything is covered. I believe it's important to let my manager know of the problem as well.

Tôi sẽ giúp đỡ người đồng nghiệp bằng mọi cách có thể. Bao gồm trợ giúp họ một phần công việc hoặc khuyến khích họ. Nếu không đạt hiệu quả, chúng tôi sẽ phân chia lại công việc để đảm bảo mọi thứ đều được hoàn thành. Tôi cũng tin rằng nên báo cáo tình hình này với giám đốc.

If the problem is related to a difficult task that a coworker cannot solve, then I'll get all the team members to help out. But if the problem is due to laziness or unwillingness to work, then I'll inform my manager of the problem.

Nếu vấn đề liên quan đến những công việc khó mà người đồng nghiệp này không thể giải quyết, thì tôi sẽ kêu gọi các thành viên còn lại trong đội để cùng giúp đỡ người đồng nghiệp này. Nhưng nếu là do sự lười biếng hay thái độ chống đối, thì tôi sẽ báo lại với giám đốc về vấn đề này.

It's hard to deal with a worker that puts in great effort but slows down the team. I noticed it is best to tackle the problem early. One way I found that was helpful was to be more firm. This way, the project continues to move forward without so many interruptions due to small arguments.

Để làm việc được với một người chỉ biết làm chậm tiến độ của cả đội thay vì cố gắng nỗ lực là một điều khó khăn. Theo tôi, tốt nhất là phải nhận biết vấn đề này sớm. Một cách mà tôi cho rằng có hiệu quả đó chính là trở nên kiên quyết hơn. Bằng cách này, dự án vẫn tiếp tục được thực hiện mà không có quá nhiều những sự ngưng trệ vì những cuộc tranh cãi nhỏ.

Câu hỏi 101.

When do you know enough is enough when dealing with a subordinate that doesn't seem to be helping?

Khi nào anh/chị biết là đã đủ khi phải làm việc cùng cấp dưới không có thái độ hợp tác?

(Các) cách trả lời.

I know enough is enough when I've exhausted all measures to help this employee grow. I would do my part by providing encouragement, giving extra instructions, mentoring, and giving different types of work. If I exhaust all of these steps, then I know I can't do anything further and that is when enough is enough.

Tôi nhận biết sao là đủ khi tôi đã vắt kiệt sức mình với mọi biện pháp để giúp người nhân viên ấy phát triển. Tôi sẽ làm bổn phận của mình qua việc khuyến khích, đưa ra thêm các chỉ dẫn, hướng dẫn, và phân công nhiều loại công việc khác nhau. Nếu tôi đã thử hết tất cả mọi biện pháp trên, và tôi biết rằng mình không thể làm gì thêm nữa thì đó là lúc đủ rồi.

Câu hỏi 102.

Do you like to work by yourself or with others?

Anh/Chị thích làm việc một mình hay làm cùng người khác?

(Các) cách trả lời.

That's a tough question... I like the combination of the two. It's great working in teams while getting and sharing ideas with each other, but it's also nice to sit at your desk and work hard productively. I like to do both so it's hard to choose one over the other.

Đó là một câu hỏi khó... Tôi thích kết hợp cả hai lại. Sẽ rất tuyệt khi làm việc theo nhóm trong khi thu thập và chia sẻ ý tưởng với nhau, nhưng cũng rất hay khi ngồi tại bàn làm việc và chăm chỉ làm việc hiệu quả. Tôi thích cả hai cách này và rất khó để chọn một trong hai.

If I had to choose just one, then... I would probably choose to work alone.

Nếu buộc phải chọn một, thì... tôi sẽ chọn làm một mình.

Câu hỏi 103.

How do you get along with your subordinates?

Anh/Chị quan hệ với cấp dưới như thế nào?

(Các) cách trả lời.

My relationship with my directs is very good. They're very open and honest with me and I'm sure they feel they can come to me with any problems.

Quan hệ của tôi với những người làm việc trực tiếp cùng tôi rất tốt đẹp. Họ rất cởi mở và thành thật với tôi nên tôi chắc rằng họ cảm thấy họ có thể tìm đến tôi mỗi khi có vấn đề gì.

Câu hỏi 104.

How do you get along with your co-workers?

Anh/Chị quan hệ với đồng nghiệp như thế nào?

(Các) cách trả lời.

I've always had an easy time getting along with different types of people. So I never had a problem getting along with my co-workers. I consider many of them my friends.

Tôi luôn dễ dàng tạo mối quan hệ tốt với nhiều kiểu người khác nhau. Nên tôi không bao giờ gặp khó khăn trong chuyện tạo mối quan hệ với đồng nghiệp. Tôi xem nhiều người trong số những đồng nghiệp này là bạn của tôi.

Câu hỏi 105.

How do you get along with your superiors?

Anh/Chị quan hệ với cấp trên như thế nào?

(Các) cách trả lời.

I've had my share of great managers and mediocre managers, but I've always gotten along with all of them very well. I've rarely had conflicts with them and if there is an issue, I always talk it over with them.

Tôi đã có những chia sẻ với những nhà quản lý tài giỏi và những nhà quản lý thuộc hạng thường, nhưng tôi luôn hòa hợp rất tốt với họ. Tôi hiếm khi có xung đột với họ và nếu có một vấn đề, tôi luôn luôn nói chuyện với với họ.

Câu hỏi 106.

What do you do to stay in shape?

Anh/Chị làm gì để giữ vóc dáng?

(Các) cách trả lời.

I like to take long walks with my dog on a regular basis, and I also go on weekly hikes at a trail near my house.

Tôi thích dành nhiều thời gian đi dạo thường xuyên với chú chó của tôi, và hàng tuần tôi cũng đi bộ đường dài tại một đường mòn gần nhà tôi.

I work out at a gym a couple times a week. I like to stay active.

Tôi tập tại một phòng tập thể dục một vài lần mỗi tuần. Tôi thích sống tích cực.

I play for a co-ed softball team. It's fun and it gives me a little exercise.

Tôi chơi cho một đội bóng chày nam nữ đấu chung. Nó rất thú vị và nó giúp tôi vận động nhẹ.

Câu hỏi 107.

What do you like to do when you're not in the office?

Anh/Chị thích làm gì khi không ở công sở?

(Các) cách trả lời.

When I'm not in the office, I like to play golf, read magazines, and spend time with my wife.

Khi không ở văn phòng, tôi thích chơi đánh gôn, đọc tạp chí và dành thời gian cho vợ tôi.

Well, I like the piano so I have piano lessons on a weekly basis. I also like gardening, so I work on my yard a lot. But if I want to relax, I like to watch videos at night.

Tôi thích piano nên mỗi tuần tôi đều học piano. Tôi cũng thích làm vườn, nên tôi rất hay chăm sóc mảnh vườn của tôi. Nhưng nếu muốn thư giãn, tôi thích xem phim vào buổi tối.

Câu hỏi 108.

What's the most recent book you read?

Cuốn sách gần đây nhất anh/chị đọc là gì?

(Các) cách trả lời.

I just finished The Runaway Jury by John Grisham. I find all of his books very entertaining.

Tôi vừa hoàn thành cuốn The Runaway Jury của John Grisham. Tôi nghĩ sách của ông ấy rất thú vị.

I have a strong interest in World War II, so I was reading a book about Hitler. It's quite interesting to see how he grew up and what lead him to his hatred towards the Jews.

Tôi rất quan tâm về Chiến Tranh thế giới lần II, vì vậy tôi đã đọc một cuốn sách về Hitler. Nó khá thú vị khi biết được ông ta đã lớn lên như thế nào và những gì dẫn ông đến mối hận thù đối với người Do Thái.

Câu hỏi 109.

What is the most recent movie you saw?

Bộ phim gần đây nhất anh/chị xem là gì?

(Các) cách trả lời.

The last movie I saw was The Last Samurai. I thought it was great.

Bộ phim cuối cùng tôi xem là The Last Samurai. Tôi nghĩ nó rất tuyệt vời.

Oh gosh... it's been a while since I've seen a movie. I think it was Spider Man. I like to spend my time outside, so I don't see movies that often.

Ôi trời ... từ lúc tôi coi một bộ phim tới nay cũng khá lâu rồi. Tôi nghĩ đó là phim Spider Man (Người Nhện). Tôi muốn dành nhiều thời gian ở bên ngoài, vì vậy tôi không xem phim thường .

Câu hỏi 110.

Did you have any trouble finding this place?

Anh/Chị có khó khăn gì khi tìm chỗ này không?

(Các) cách trả lời.

No problem at all. I checked for directions on the Internet and found it pretty easily.

Không khó khăn gì cả. Tôi xem đường đi trên mạng và tìm thấy chỗ này khá dễ dàng.

A little bit. I didn't realize that there was another building back here, so I drove by a couple times, but that's ok, I eventually found it.

Một chút. Tôi đã không nhận ra rằng có một tòa nhà khác ở đây, nên tôi đã vài lần chạy qua luôn, nhưng không sao, cuối cùng tôi đã tìm thấy nơi này.

Câu hỏi 111.

Will working on weekends be a problem?

Làm việc vào cuối tuần có là vấn đề không?

(Các) cách trả lời.

It shouldn't be a problem at all. I frequently worked on weekends in my other position, especially during tax season. How often is weekend work required here on average?

Không vấn đề gì cả. Ở vị trí công việc khác, tôi thường làm việc cuối tuần, nhất là trong thời gian khai thuế. Trung bình, bao lâu thì ở đây đòi hỏi phải làm việc cuối tuần?

Câu hỏi 112.

How do you feel about overtime?

Anh/Chị cảm thấy như thế nào về làm việc ngoài giờ?

(Các) cách trả lời.

I don't mind working overtime at all. I know during busy times people are expected to work more, and I'm flexible with my hours so I won't have a problem.

Tôi không ngại làm thêm giờ đâu. Tôi biết trong những lúc có nhiều việc, công ty hy vọng mọi người làm việc ngoài giờ, và giờ giấc của tôi rất linh hoạt vì vậy tôi sẽ không có vấn đề gì.

Câu hỏi 113.

Have you filed for bankruptcy?

Anh/Chị có đệ đơn xin phá sản không?

(Các) cách trả lời.

No. I'm very responsible with money and I have great credit.

Không. Tôi rất có trách nhiệm với tiền bạc của mình và tôi có tín dụng tốt.

Câu hỏi 114.

Do you own or rent your home?

Anh/Chị sở hữu hay thuê nhà?

(Các) cách trả lời.

I'm currently renting, but I plan on buying my own place next year.

Hiện tại, tôi đang thuê, nhưng tôi lên kế hoạch mua nhà riêng vào năm sau.

I'm renting right now, but I'll probably buy a house when I get married.

Tôi hiện đang ở nhà thuê, nhưng có lẽ tôi sẽ mua một ngôi nhà khi tôi kết hôn.

Câu hỏi 115.

Do you have any outside income?

Anh/Chị có thu nhập bên ngoài nào không?

(Các) cách trả lời.

I get paid child support from my ex-husband.

Tôi được nhận tiền trợ cấp nuôi con từ chồng cũ của tôi.

I have a rental property.

Tôi có một tài sản cho thuê.

No. I do not.

Không, tôi không có.

Câu hỏi 116.

Do you earn any income from investments or hobbies?

Anh/Chị có bất kỳ thu nhập nào từ các khoản đầu tư hay sở thích không?

(Các) cách trả lời.

I have a savings account that I earn a little extra income from.

Tôi có một tài khoản tiết kiệm và tôi kiếm thêm một chút tiền lời từ đó.

I have some mutual funds that perform about 8% a year.

Tôi có một số quỹ tương hỗ mà những quỹ này kiếm được khoảng 8% một năm.

I have some investments in the stock market.

Tôi có một số khoản đầu tư vào thị trường chứng khoán.

Câu hỏi 117.

Are you able to make frequent business trips?

Anh/Chị có thể đi công tác thường xuyên được không?

Câu hỏi 118.

Are you willing to travel?

Anh/Chị có sẵn sàng đi đây đó nhiều (trong quá trình làm việc) không?

(Các) cách trả lời.

I know as an auditor that I'll have to make business trips. So I'm definitely willing to travel.

Tôi biết là một kiểm toán viên tôi sẽ phải đi công tác nhiều. Vì vậy, tôi chắc chắn là sẵn sàng cho việc di chuyển.

I don't have any problems with traveling.

Tôi không có vấn đề gì với việc đi lại (đi công tác) cả.

Câu hỏi 119.

Are you willing to relocate?

Anh/Chị có sẵn sàng chuyển nơi ở không?

(Các) cách trả lời.

I guess it would depend on the location and the pay. If everything is the same, I would rather stay here because this is where I grew up. But I would be willing to consider it.

Tôi đoán điều này còn phụ thuộc vào đó là nơi nào và mức lương ra sao. Nếu mọi thứ vẫn như cũ thì tôi thích ở lại đây hơn vì đây là nơi tôi lớn lên. Nhưng tôi sẵn lòng xem xét kỹ về vấn đề này.

I love change and I'd definitely be willing to relocate.

Tôi thích sự thay đổi và ắt hẳn là tôi sẵn lòng chuyển nơi ở rồi.

Câu hỏi 120.

May I contact your current employer?

Tôi có thể liên hệ với người chủ chỗ làm hiện tại của anh/chị không?

(Các) cách trả lời.

Yes. Do you have their contact information?

Vâng được. Ông/Bà có thông tin liên hệ chưa?

Câu hỏi 121.

May I contact your references?

Tôi có thể liên hệ với những người giới thiệu của anh/chị không?

(Các) cách trả lời.

Sure. After the interview, I can email or fax you a list of references. Will that be ok?

Chắc chắn là được. Sau buổi phỏng vấn, tôi có thể gửi email hoặc fax danh sách những người giới thiệu của tôi. Vậy được không ạ?

Câu hỏi 122.

Is there anything else I should know?

Có điều gì khác tôi cần biết không?

Is there anything else you want to add?

Có điều gì khác mà anh/chị muốn nói thêm không?

(Các) cách trả lời.

I don't know if I expressed it that well, but I'm very excited about this position. I'm confident that I can do very well here.

Tôi không biết tôi bày tỏ như thế này có tốt không, nhưng tôi rất thích vị trí này. Tôi tự tin rằng tôi có thể làm rất tốt ở đây.

One final trait that I have that would be perfect for this position is my organizational skills. I'm very detailed and plan very well.

Một lợi điểm cuối cùng mà tôi có giúp tôi phù hợp với vị trí này đó chính là kỹ năng tổ chức. Tôi là một người chú trọng tiểu tiết và rất giỏi trong việc lên kế hoạch.

Câu hỏi 123.

What kind of salary are you looking for?

Anh/chị mong đợi mức lương thế nào?

What pay range are you looking for?

Anh/chị mong muốn mức lương trong khoảng nào?

(Các) cách trả lời.

I'm expecting somewhere between 50,000 - 60,000.

Tôi mong đợi mức lương sẽ trong khoảng từ 50 ngàn đến 60 ngàn.

I know that the average pay for this position is roughly around 45,000, but because I have a couple years more experience, I would want something around 48,000 to 50,000.

Tôi biết mức lương trung bình cho vị trí này là khoảng 45.000, nhưng vì tôi có một vài năm kinh nghiệm nên tôi muốn mức lương ở vào khoảng 48 ngàn đến 50 ngàn.

The job description says that the salary will be around 45,000 to 53,000. I think it's a fair range.

Bản mô tả công việc nói rằng mức lương sẽ từ 45 ngàn đến 53 ngàn. Tôi nghĩ đó là một mức thỏa đáng.

Câu hỏi 124.

That's a high salary for this position! Where did you come up with that figure?

Đó là một mức lương rất cao đối với vị trí này! Sao anh/chị lại đưa ra con số này?

(Các) cách trả lời.

I have three more years of experience that will help a lot. I also have a college degree that is not stated as a requirement. But if the figure is too high, I would consider something a little less.

Tôi có ba năm kinh nghiệm làm việc và điều này sẽ giúp ích rất nhiều. Tôi còn có bằng cao đẳng dù điều này không được đề cập như một yêu cầu phải có. Nhưng nếu con số này quá cao, tôi sẽ suy nghĩ lại một con số thấp hơn một chút.

Câu hỏi 125.

How much do you currently get paid?

Gần đây, anh được nhận lương bao nhiêu?

(Các) cách trả lời.

I was paid 50,000 a year plus an 8% bonus.

Tôi đã được trả 50,000 đô một năm và thêm 8% tiền thưởng.

I received 27.50 an hour at my last position.

Ở công việc trước, tôi nhận 27.50 đô một giờ làm.

Câu hỏi 126.

When are you able to start?

Khi nào thì anh/chị có thể bắt đầu công việc?

(Các) cách trả lời.

I'll be able to start as early as next Monday.

Tôi có thể bắt đầu sớm vào thứ hai tuần sau.

I have to give my current employer a two week notice so I could start immediately after that.

Tôi phải báo nghỉ trước hai tuần với công ty hiện tại nên tôi có thể bắt đầu ngay sau hai tuần nữa.

Câu hỏi 127.

Are you considering any other offers right now?

Hiện tại, Anh/Chị có đang cân nhắc bất cứ lời mời tuyển dụng nào không?

(Các) cách trả lời.

I'm not considering any of my offers right now.

Hiện giờ, tôi không cân nhắc về lời mời làm việc ở đâu cả.

I was considering an offer I received last week, but I don't think I will be accepting that position.

Tôi đã cân nhắc một lời mời tuyển dụng tôi nhận được hồi tuần rồi, nhưng tôi nghĩ là tôi sẽ không được nhận vị trí đó.

I'm thinking about an offer I have, but I want to keep my options open.

Tôi đang nghĩ về một lời mời tuyển dụng, nhưng tôi muốn các lựa chọn của tôi không bị bó buộc.

II. Ask the interviewer. (Hỏi người phỏng vấn)

Câu hỏi 1.

Do you have any questions?

Anh/Chị có câu hỏi gì thêm không?

Câu hỏi 2.

Does this job usually lead to other positions at the company?

Công việc này có thường dẫn tới những vị trí công việc khác trong công ty không?

Câu hỏi 3.

Tell me some of the skills that you want in a candidate for this position.

Xin cho tôi biết vài kỹ năng mà quý công ty cần ở một ứng viên để làm vị trí công việc này.

Câu hỏi 4.

What are the people I'll be working with like?

Tôi sẽ làm việc cùng những đồng nghiệp như thế nào ạ?

What do you like the most about this company and why?

Anh/Chị thích điều gì nhất về công ty này và tại sao?

Câu hỏi 5.

How is this company doing in comparison with competitors?

Công ty này hoạt động ra sao khi so sánh với những đối thủ khác?

Câu hỏi 6.

I know of products X and Y, does the company plan to introduce any new products?

Tôi biết công ty có sản phẩm X và Y, vậy công ty có kế hoạch giới thiệu sản phẩm mới nào không?

Câu hỏi 7.

What is the company doing to maintain its market strength?

Quý công ty đang làm gì để duy trì sức mạnh thị trường của mình?

Câu hỏi 8.

How many employees work for this company?

Có bao nhiêu nhân viên làm việc cho công ty này?

Câu hỏi 9.

What has been the company's layoff history in recent years?

Lịch sử sa thải của công ty trong những năm gần đây như thế nào?

Câu hỏi 10.

Do you know of any anticipated cutbacks in any departments in the near future?

Ông/Bà có dự đoán trong thời gian sắp tới sẽ có những đợt cắt giảm tại bất kỳ phòng ban nào không?

Câu hỏi 11.

What major problems has the company recently faced?

Những vấn đề chính mà gần đây công ty phải đối mặt là gì?

Câu hỏi 12.

What type of training do you provide here?

Công ty sẽ đưa ra loại hình tập huấn (dành cho nhân viên) gì?

Câu hỏi 13.

What do you like best about this company?

Anh/Chị thích điều gì nhất về công ty này?

Câu hỏi 14.

What position title will I be reporting to?

Chức danh vị trí mà tôi sẽ chịu trách nhiệm là gì?

Câu hỏi 15.

What other departments does this department work closely with?

Bộ phận này làm việc chặt chẽ với những bộ phận nào?

Câu hỏi 16.

What kind of training should I expect?

Loại hình đào tạo mà tôi có thể nhận là gì?

Câu hỏi 17.

How long is the training program?

Chương trình đào tạo này kéo dài bao lâu?

Câu hỏi 18.

How did this position become available?

Làm thế nào mà vị trí này lại được tuyển dụng?

Câu hỏi 19.

Is a written job description available?

Có sẵn một bảng mô tả công việc không?

Câu hỏi 20.

Please describe a typical day for this position.

Vui lòng mô tả một ngày làm việc tiêu biểu cho vị trí này.

Câu hỏi 21.

How long has this position been available?

Vị trí tuyển dụng này đã được tuyển trong bao lâu rồi?

Câu hỏi 22.

How many candidates have you interviewed for this position?

Có bao nhiêu ứng cử viên tham gia phỏng vấn cho vị trí này?

Câu hỏi 23.

How many total candidates will you be interviewing for this position?

Có tổng cộng bao nhiêu ứng cử viên tham gia phỏng vấn cho vị trí này?

Câu hỏi 24.

Do you interview a large number of people before making an offer to a person, or do you make an offer to the first person who is qualified?

Quý công ty sẽ phỏng vấn hàng loạt trước rồi sau đó quyết định sẽ nhận ai hay quý công ty sẽ đưa ra quyết định tuyển dụng ngay khi gặp người đạt yêu cầu?

Câu hỏi 25.

What type of hardware and software will I be working with?

Tôi sẽ làm việc với kiểu phần cứng và phần mềm nào?

Câu hỏi 26.

What will my workstation be like? Will it be an office, a cubicle, or a desk?

Chỗ làm việc của tôi sẽ trông như thế nào? Liệu nó là văn phòng, phòng nhỏ hay là bàn làm việc?

Câu hỏi 27.

What opportunities for advancement are available here?

Ở đây có cơ hội thăng tiến không?